

đã mất tại Kinh đô Huế. Làm quan không nhà, Trịnh Hoài Đức quả là người xưa nay hiếm. Hiện thời phần mộ khiêm nhường của ông vẫn nằm trong một xóm lao động nghèo, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa. Năm 1927, theo đề nghị của Trường Viễn Đông bác cổ, Toàn quyền Đông Dương đã xếp mộ Trịnh Hoài Đức vào danh sách “*cổ tích liệt hạng*”. Bộ Văn hóa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng đã xếp hạng di tích này nhưng hiện vẫn chưa được trùng tu vì thiếu kinh phí đền bù giải tỏa cho dân. Sinh thời Trịnh Hoài Đức có nhiều tác phẩm được đánh giá cao. Do chiến tranh tao loạn bị thất tán nay chỉ còn hai bộ sách quý là: *Gia Định thành thông chí* và *Cán Trai thi tập*.

Gia Định thành thông chí là cuốn địa chí ghi lại khá đầy đủ diện mạo xứ Đàng Trong kể từ khi người Việt bắt đầu Nam tiến lập nghiệp. Quốc sử quán triều nhà Nguyễn đã phải dựa vào sách này như một nguồn tư liệu quan yếu để soạn các bộ sử: *Đại Nam thực lục (Tiền biên và Chính biên)*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí*. Người Pháp cũng sớm biết đến giá trị của *Gia Định thành thông chí* về tính khoa học và lịch sử nên sau khi thôn tính Nam kỳ, Garbie Aubaret lập tức cho dịch ra tiếng Pháp và xuất bản tại Paris năm 1863. Ngày nay các nhà biên soạn địa chí ở khu vực Nam bộ vẫn phải tham khảo và trích dẫn sách này... *Cán Trai thi tập* là một tuyển tập thơ đồ sộ bao gồm những bài thơ ông viết trong ba mươi sáu năm (1782-1818) chia làm ba phần: *khả dĩ tập*, *Quan quang tập* và *Thoái trung thực biên tập*. Thơ Trịnh Hoài Đức giàu tính trữ tình, yêu quê hương, yêu thiên nhiên của một người có tâm hồn giản dị. Trong thơ ông cũng phần nào thể hiện tính quan phương của một vị công thần sống trong thời trung hưng thịnh trị... Có thể nói Trịnh Hoài Đức là danh nhân tiêu biểu của đất Biên Hòa xưa. Nhiều đô thị ở Việt Nam lấy tên ông đặt cho đường phố nhưng tiếc thay tại Biên Hòa, thành phố quê hương ông, lại không còn con đường mang tên Trịnh Hoài Đức. Nhà văn Lý Văn Sâm, năm nay đã bảy mươi bảy tuổi, nói:

- Phải có cách gì đó để trả lại tên đường Trịnh Hoài Đức cho thành phố Biên Hòa, không phải vì ông xứng đáng mà hơn thế thành phố Biên Hòa xứng đáng có con đường đẹp nhất mang tên ông. Và nên đề nghị tỉnh Đồng Nai thành lập một giải thưởng văn học nghệ thuật mang tên Trịnh Hoài Đức... Vì đây là vấn đề văn hóa của một vùng đất, một thời đại.

Nhà văn Lý Văn Sâm là một người Biên Hòa có cá tính độc đáo. Xuất thân trong một gia đình công chức nghèo nhưng từ nhỏ ông đã nổi danh là một công tử đẹp trai, hào hoa, học giỏi, đá bóng hay, thích cưỡi ngựa theo cha vào trong rừng già miền Đông thả hồn lang thang theo mây trời sông nước cây cỏ. Trang thanh niên tuần tú có biệt danh Hai Lý ấy đã làm lay động không biết bao nhiêu con tim thiếu nữ Biên Hòa. Nhưng những người đẹp nào có biết anh Hai đã bị văn chương ám vào thân phận như một định mệnh, như một nhu cầu bẩm sinh. Thực ra không yêu văn chương thì chẳng biết yêu cái gì. Ông viết truyện ngắn gửi đăng các báo để lập thân và để kiếm sống bằng ngòi bút. Tập chí văn học Tiểu thuyết thứ bảy đăng truyện ngắn đầu tay của ông mang tên Cậy nhị sông phở. ban biên tập gồm những nhà văn khét tiếng đương thời cứ tưởng ông là người lớn tuổi bởi giọng văn vừa từng trải vừa tài hoa trang nhã. Nhờ có cách mạng ông theo cái nghề văn đi làm cách mạng, coi đó là vũ khí và cũng là cần câu cơm. Ông đăng hàng trăm truyện ngắn, ký hàng chục bút danh để che mắt địch. Ông không nhớ mình đã viết bao nhiêu truyện ngắn cũng chẳng nhớ hết bút danh của mình. Lý Văn Sâm là nhà văn không có tủ sách riêng để tác phẩm của mình. Ông chẳng quan tâm đến những đứa con tinh thần, ông tin rằng nếu viết được cái gì nên nổi đã có đời nhớ họ. Lâu lâu có độc giả vì quý mến, đem

tặng ông cuốn sách cũ, ông reo lên như gặp lại người quen: “A, cuốn này tôi viết đây mà. Nè, không biết tại sao hồi đó mình viết hăng quá. Giờ đọc lại mắc cỡ thấy mẹ”. Làm nhà văn tặng sách cho độc giả là chuyện thường tình, ông thì ngược lại, độc giả tặng sách cho nhà văn để làm kỷ niệm. Nào ông có giữ được lâu, lại đem cho ai đó mượn rồi quên luôn. Sống làm việc cùng cơ quan tôi nhận được ở ông tình thương và bài học về lòng tự trọng. Chẳng có gì đáng trân trọng hơn khi biết khiêm nhường, biết tự đánh giá đúng tác phẩm của mình. Trong hai năm (1947-1949) ông xuất bản 15 cuốn tiểu thuyết và truyện ngắn. Những cuốn sách ấy khiến nhà đương cục coi là “có vấn đề” nên lâu lâu lại bắt ông nhốt vào bốt. Bắt cóc bỏ đĩa. Ra tù. Viết bắt ! Lại ra tù. Lại viết. Lại bắt !... Cho đến tháng 12 năm 1956, ông vượt khám Tân Hiệp ra hẳn khu căn cứ ở chiến khu Đ. Ông là người chỉ biết nhớ những điều đáng nhớ còn bản thân thì quên, quên đến mức tai hại... Lúc làm hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương Độc lập, ông khai lung tung: Tham gia cách mạng từ năm 1943 thì khai là tháng 8 năm 1945, chức vụ cao nhất là Phó chủ tịch Liên Hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam thì khai là chủ tịch Hội Văn Nghệ Đồng Nai. ông nói: người ta ngon lành bị đày đi Côn Đảo mình dán truyền đơn ngoài chợ Biên Hòa, đưa thơ từ cho ông bí thư chi bộ, làm chơi chơi, khai ra lẽ người ta cười cho, nhằm nhò chi ba cái lẻ tẻ Nhà văn Hoàng Văn Bôn cùng mấy anh em phải đi sưu tầm nhân chứng căn cứ hồ sơ gốc làm lại bản kê khai thành tích cho ông. Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc Lập hạng nhì. Hôm nhận Huân chương ông rất xúc động, nói không nên lời.

Thỉnh thoảng ông lại đi xe ôm về Biên Hòa thăm những nơi có nhiều kỷ niệm. Ông thường chọn một góc khuất trong quán ngòi nhâm nhi ly cà phê đen để ngắm cái sự đời. Ngoài xa kia dòng sông Đồng Nai trôi lặng lẽ, bên sông xưa còn đây, nơi đó ông vẫn gọi là sông Phó - Bến Xuân trong những trang viết đầy tâm huyết một thời...

Bên chân tượng đài Chiến thắng sân bay Biên Hòa có một ngôi nhà nhỏ của cựu chiến binh lão thành Trần Công An tức ông Hai Cà. Ông nhận làm lao công bảo vệ và chăm sóc hoa cỏ quanh tượng đài. Mới gặp cứ tưởng ông là lão Nông ở miệt ruộng lên thành phố thăm con cháu. Ngày lễ ông khoác lên người bộ quân phục gắn quân hàm đại tá, hai vạt áo trước ngực treo huân chương dày đặc, ai đi ngang cũng phải quay nhìn và trầm trồ. Tôi chưa thấy áo ai đính nhiều Huân chương như áo ông Hai Cà. Ông là con người thật mang nhiều huyền thoại... Những ngày đầu mùa Thu 1945, Nam bộ kháng chiến, ông là người đầu tiên dùng chiến thuật đặc công buộc thủ pháo vào đầu sào tre thả từ trên cao xuống tiêu diệt bốt Cầu Bà Bướm. Thời chống Mỹ, ông lập nên kỳ tích của người Nông dân mặc áo lính. Giữa rừng già miền Đông, dưới bom pháo, chất độc hóa học, vẫn có một đội quân hậu cần hùng hậu gọi là Bộ đội Hai Cà. Suốt 15 năm trời (1961-1976), ông Hai là người chỉ huy Hậu cần Miền Đông với nhiệm vụ là sản xuất và chiến đấu bảo vệ căn cứ. Mặc sự khốc liệt của chiến tranh, đơn vị ông vẫn trồng được hơn 1.000 m, ẫu rẫy củ mì và cày cấy hơn 2.000 mẫu ruộng, ông nắm trong tay tiền triệu để huy động mua lúa ở nông dân chuyển vào căn cứ. hàng trăm xe đò chở lúa vẫn bí mật len lỏi vào rừng. Dù ở rừng già luôn bị địch tập kích nhưng bộ máy hậu cần của đơn vị vẫn vận hành đều đặn để đáp ứng nhu cầu của chiến trường. Xưởng quân giới chuyên sửa chữa và chế tạo vũ khí có cả kỹ sư và thợ bậc 7 làm việc. Ba bệnh viện, trạm xá đủ năng lực đón tiếp và điều trị hàng trăm thương bệnh binh. Quân số đơn vị lúc cao nhất lên tới 5.000 người, quân thường trực khoảng trên 2.000 người. Bộ đội Hai Cà cả trai lẫn gái đều gọi ông là Ba, là Tía, là Bô, là ông Già... Vừa là thủ trưởng, ông vừa là người cha của chiến sĩ dưới quyền. ông kể “Bây giờ hòa bình nghỉ lại thấy thương tội nhỏ quá chừng. Lính trai cực một, lính gái cực mười.

Hồi đó nghiêm lắm, chẳng đứa nào dám hó hé chuyện yêu đương. Lính trai đặt về tán tỉnh:

“Nước sông Đồng Nai vừa trong vừa mát

Con gái ông Hai Cà công tác dễ thương.

Tán chơi vậy để lựa lúc chui vô kho ăn trộm lương khô, chị em mang súng rượt cho, chạy đã rồi quay lại chọc:

“Nước suối Mã Đà vừa trong vừa mát

Con gái ông Hai Cà không lác thì lang ben.

Ngay trong kháng chiến ông hai Cà đã có ý thức bảo vệ thiên nhiên và môi trường. Khi đi săn thú chỉ được bắn nai hoặc mễn, không có lệnh ông bộ phận chuyên kiểm thịt rừng không được bắn Hổ và Voi. Cá nhiều nhưng ông chỉ sử dụng lưới mắt 10 để bắt cá to, cắm ngắt dùng chất nổ để đánh cá.

Ngôi nhà đơn sơ của ông hai Cà vẫn thường xuyên có khách quý, nhiều vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến viếng tượng đài khi về thăm Đồng nai đã tình cờ nhận ra ông là đồng đội cũ thời chiến tranh. Một người từng nắm hầu bao, cai quản một tổng kho vô vàn của cải, thế nhưng khi về hưu, phũ hai tay thanh thản sống cuộc đời thường . Ông vẫn vẫn thứ thuốc rê rẻ tiền như thời trai trẻ, trò chuyện với các cháu mẫu giáo trong giờ ra chơi bên chân tượng đài ông và cháu cùng vỗ tay hát hò vui vẻ. Ban đêm bất kể mưa giạt đến phiên trực, ông lại ôm mừng mền che tăng nằm ngủ ngay ngoài trời để canh gác, phòng kẻ trộm nhỏ cây kiềng trong vườn hoa...

Thật đáng trân trọng những người như ông Hai Cà, ông Lý Văn Sâm... Họ đã bước ra khỏi quá khứ huy hoàng, biết sống tự tại những ngày cuối đời với một tâm hồn trong sáng. Họ góp đời mình làm viên gạch xây nên cái nền văn hóa của thành phố Biên Hòa. Họ là sự kế thừa phần hồn sâu thẳm của ông cha, những người đi về phương Nam mở mang cõi bờ đất nước từ ngày xa xưa...

Biên Hòa đã được công nhận là thành phố cấp Hai và sắp bước vào tuổi Ba trăm năm. Biên Hòa là nơi có tốc độ phát triển công nghiệp cao nhất nước nhờ khả năng thu hút đầu tư. Hầu như ngày nào trên Ti vi cũng thấy đưa tin cất băng khánh thành nhà máy mới. Mỗi năm Biên Hòa cần 50.000 người lao động công nghiệp. Có một thị trường lao động đang mở ra tại Biên Hòa. Người tứ xứ đổ về, mang theo giọng nói đủ các miền quê Việt Nam. Biên Hòa là một công trường khổng lồ và như có một cơn lốc bê tông hóa đang lan ra trên những triền đồi thoải thoải ven sông Đồng Nai. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là hướng vươn tới tương lai của Biên Hòa nhưng cũng đã xuất hiện thêm những vấn nạn mới như: ô nhiễm môi trường, sự gia tăng dân số cơ học, giá sinh hoạt leo thang... Và tôi bỗng thấy khó hình dung được gương mặt của người Biên Hòa sau năm 2.000. Nhịp điệu công nghiệp, nếp sống công nghiệp và cơ chế thị trường lấy đồng tiền làm cầu nối, trao đổi và giao lưu liệu có làm cho gương mặt người Biên Hòa xa lạ với tầm vóc văn hóa vốn có của hôm qua và hôm nay. Là một cư dân của Biên Hòa, tôi ao ước thành phố này trong tương lai có tầm vóc văn hóa tương xứng với tầm vóc công nghiệp. Một thành phố hiện đại bao giờ cũng là một thành phố văn hóa, nếu thiếu văn hóa, sẽ trở thành khu kinh tế mới của các nhà đầu tư nước ngoài hoặc là trở thành thị trường bán sức lao động mà thôi...

Tạp chí Sông Phố Xuân Đình Sứ

PHỤ NỮ ĐỒNG NAI

TIẾP BƯỚC TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG CỦA BÀ TRUNG, BÀ TRIỆU

TÔN HOÀN

PHỤ NỮ ĐỒNG NAI VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp - Mỹ cứu nước, cùng với phụ nữ cả nước phụ nữ Đồng nai đã có nhiều đóng góp quan trọng. Họ đã có mặt trên khắp nẻo đường chiến đấu, ở các công sự, chiến hào trong tầm đạn của kẻ thù; bám trụ trong lòng địch, vận động quần chúng xây dựng lực lượng... Nhiều người chị, người mẹ *đã nuôi giấu cán bộ cách mạng trong vùng tạm chiếm* không ngại hy sinh gian khổ. Nhiều chị phải vào tù ra khám nhiều lần, chịu nhiều trận đòn tra tấn dã man của quân thù, nhưng vẫn một lòng một dạ giữ lòng kiên trung với Đảng với cách mạng. Nhiều chị đã hy sinh tuổi thanh xuân của mình trong hai cuộc kháng chiến cứu nước... không thể kể hết những đóng góp hy sinh của sĩ như: Hồ Thị Hương mãi mãi sáng ngời trang sử truyền thống. Con số hơn 60 nữ tù chính trị Côn Đảo và các lao tù; 140 bà mẹ Việt Nam anh hùng... là những bằng chứng sinh động về truyền thống tranh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang của phụ nữ tỉnh ta. Đó còn là niềm tự hào chung của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Gần 20 năm trong xây dựng và phát triển đất nước, phụ nữ tỉnh nhà tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp năm xưa. Trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - trật tự..., phụ nữ tỉnh nhà đều thể hiện vai trò của mình, đóng góp những thành tựu có ý nghĩa. Theo thống kê gần đây: lực lượng nữ chiếm 52% dân số cả tỉnh, trong đó lao động nữ chiếm 491.637/979.350 lao động toàn tỉnh (tỷ lệ 50,20%). Hai lĩnh vực quan trọng, kinh tế công nghiệp và Nông nghiệp trong tỉnh, số lao động nữ chiếm ưu thế, trở thành lực lượng sản xuất chủ yếu, quyết định hoàn thành nhiệm vụ sản xuất chủ yếu, quyết định hoàn thành nhiệm vụ sản xuất hàng năm ở cơ sở. Trong phong trào thi đua 2 giỏi do Liên đoàn lao động tỉnh phát động đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu. Báo cáo chính trị tại Đại hội V Công đoàn tỉnh cho biết: Trong 5 năm (1988 - 1993) đã có trên 30.529 lượt chị em đạt danh hiệu (2 giỏi). Số lao động nữ ở hai ngành giáo dục - y tế của tỉnh cũng chiếm một lực lượng đáng kể. Phần lớn họ đều thực hiện tốt công tác chuyên môn, không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện để trở thành những giáo viên dạy giỏi, những thầy thuốc giỏi...

Với chức năng của mình, Hội LHPN tỉnh và các cấp Hội trong những năm qua đã có nhiều nội dung hoạt động thiết thực. Các chương trình của Hội đề ra thích hợp với từng thời kỳ, tập hợp được lực lượng phụ nữ trong tỉnh, góp phần cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nổi bật trong những năm gần đây là cuộc vận động “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình và nâng cao trách nhiệm làm mẹ, hạn chế trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học”. Nội dung hai cuộc vận động đã mang lại kết quả thiết thực, góp phần thực hiện xóa đói, giảm nghèo tạo được niềm tin của Đảng, chính quyền và quần chúng đối với tổ chức Hội liên hiệp phụ nữ.

Thực tiễn cho thấy, lực lượng lao động nữ ngày càng phát triển về chất và mở ra những triển vọng tốt đẹp nhằm phát huy ngày càng cao vai trò bình đẳng của phụ nữ trên

nhiều mặt hoạt động.

CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ- MỘT ĐIỂM SÁNG CỦA TỈNH NHÀ

Có thể nói, Đồng Nai là một tỉnh hiện có đông đảo lực lượng cán bộ nữ đang giữ nhiều cương vị quan trọng trong các cơ quan Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể. Có hai cán bộ nữ là đại biểu quốc hội: chị Lê Thị Thu Ba (Phó chánh án Tòa án nhân dân tỉnh) và Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Phó phòng giáo dục huyện Long Thành). Người đứng đầu UBND tỉnh là cán bộ nữ trưởng thành từ công tác Đoàn, chị Trần Thị Minh Hoàng. Có 10 cán bộ nữ là Tỉnh ủy viên hiện đang giữ chức vụ trưởng, phó các ngành; đoàn thể, chính quyền: chị Đặng Thị Kim Nguyên, Phó chủ tịch UBND tỉnh; chị Trần Thị Hòa, Chủ tịch LHPN tỉnh; chị Nguyễn Thị Minh Tư, Chủ tịch hội Nông dân tỉnh, chị Bùi Ngọc Thanh, Bí thư tỉnh Đoàn; chị Huỳnh Lang Anh, Phó giám đốc Sở LĐTB - XH tỉnh; chị Lê Thị Hồng Hoa, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; chị Nguyễn Thị Thu Lan, Phó giám đốc Sở GD-ĐT; chị Trần Thị Luận, Phó chánh thanh tra tỉnh; chị Phạm Thị Sum Giám đốc Nhà máy Đường Biên Hòa; chị Lâm Thị Nguyệt Bí thư huyện ủy Nhơn Trạch. Ngoài ra còn có trên 500 đại biểu HĐND 3 cấp là cán bộ nữ, và trên 70 cán bộ nữ là giám đốc, phó giám đốc, thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, công ty, nhà máy, xí nghiệp... của tỉnh và huyện.

Rõ ràng, với tỷ lệ cán bộ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý Nhà nước như vừa nêu trên là thể hiện sự quan tâm, chú trọng đúng mức đối với công tác cán bộ nữ của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong tỉnh. Thực hiện nghị quyết 04 của Bộ Chính trị “Về đổi mới và tăng cường công tác phụ nữ trong tình hình mới” và chỉ thị 37 của Ban bí thư về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ” chương trình hành động của Tỉnh ủy còn đề ra cụ thể việc xây dựng, quy hoạch cán bộ nữ thành nhiệm vụ có tính chất chiến lược; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong từng ngành từng cấp và đặc biệt có những chính sách quan tâm về việc chăm lo đời sống vật chất tinh thần...

Chỉ thị 37 của Ban bí thư TW nêu rõ: “Sự nghiệp đổi mới của đất nước đang tạo ra môi trường mới cho sự phát triển tiềm năng của lao động nữ và cán bộ nữ”. Các cấp ủy Đảng chính quyền trong tỉnh đã và đang thực sự chú trọng, vì mục tiêu bình đẳng, hạnh phúc và dân chủ cho phụ nữ; đồng thời tạo điều kiện để phụ nữ phát huy tài năng trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của mình.

Có thể nói bằng thực tiễn sinh động của quá trình tham gia hoạt động xã hội và lao động sản xuất trên mọi lĩnh vực, phụ nữ Đồng Nai đang cùng với phụ nữ cả nước viết tiếp trang sử truyền thống anh hùng của Bà Trưng, Bà Triệu.

BÀI DỰ THI “NGÒI VIỆT VÀNG” NĂM 1995 CỦA HỘI NHÀ BÁO ĐỒNG NAI:

**GẶP LẠI NGƯỜI CẨM CỜ TRÊN DINH
TỈNH TRƯỞNG BIÊN HÒA 30-4-1975**

Mờ sáng ngày 30-4-1975, nhiều người dân trong khu vực chợ Biên Hòa bỗng xôn xao hẳn lên khi có tiếng ai đó kêu vang: “Mấy bà tới coi, má vợ thằng Hiền mặc đồ đen, mang băng đỏ. Treo Cờ Giải Phóng trên dinh Tỉnh trưởng kia, ai biết bả là Việt cộng không?”.

Bà con đổ xô đến xem. Kia rồi ! Bà đang ngồi đó bên chân cột cờ giữa dinh tỉnh trưởng Biên Hòa, mắt đăm đăm nhìn sang mọi hướng... Trên cao lá cờ mặt trận nửa đỏ, nửa xanh tung bay hiên ngang trong gió sớm... Đâu đây tiếng súng vẫn vang lên râm rang trong lòng thành phố.

... Sinh ra trong một gia đình nghèo ở xã An Thạnh, Huyện Thuận An, Sông Bé sáu tuổi đầu bà đã sống cảnh cút côi. Mẹ mất trong một cơn lao phổi nặng, gần một năm sau đó, cha bà, một người hớt tóc dạo, hiền lành cũng qua đời, do căn bệnh thương hàn, hậu quả của ba ngày đêm dầm mình dưới sông để tránh giặc Tây ruồng bỏ bắt đóng thuế sâu. Tuổi thơ của bốn anh em bà sống bám víu vào người cô ruột, góa chồng và cũng có một đứa con gái lớn hơn bà vài tuổi.

An Thạnh, quê bà là mảnh đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, hơn 8 tuổi đầu bà đã biết phụ nấu cơm, xắt chuối giúp cô chú, anh chị tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong trong những năm 1945-1946, nhà nghèo, không được đến trường tuổi nhỏ của bà đã quen cảnh buôn gánh, bán bưng, thức khuya dậy sớm.

Mười bảy tuổi - cái tuổi con gái “bè gãy sừng trâu” ấy bà đã là một giao liên bản lĩnh của xã An Thạnh. Thời gian này, bà gặp và yêu một anh thanh niên hiền lành chuyên bỏ mồi cà lem cho bà và bà con các vùng lân cận. Rồi họ cưới nhau; cưới xong, bà mới biết chồng mình - ông Lê Văn Ta (tự Sáu Bi) là cán bộ giao liên khu công Nam bộ (ĐNB), hai mươi tuổi cùng với chồng, bà lao vào những cuộc chiến đấu mới với những địa bàn xa hơn. Bằng đôi gánh cá khô trên vai bà xuôi ngược khắp nơi chuyển công văn, chỉ thị của khu ủy cho các vùng Thuận An, Dầu Tiếng chợ Đa Kao (Sài Gòn).

Sống với nhau được 5 năm, thì ông bị địch bắt đường dây liên lạc duy nhất của bà ở khu ĐNB bị đứt. Tuy vậy, bà vẫn kiên tâm chờ đợi, vẫn tất bật sớm hôm nuôi hai con nhỏ dại và âm thầm giúp đỡ cho phong trào Cách mạng xã nhà.

Năm 1963, địch thả tự do chồng bà, ông lại tình nguyện vào chiến khu, trực tiếp cầm súng chiến đấu. Bà vẫn ở lại nhà với “nửa gánh nuôi quân, nửa gánh nuôi con. Năm ba mươi một tuổi bà trở thành Đảng viên mật của Chi bộ xã An Thạnh.

Sau tết Mậu Thân, địch phản kích đánh phá ác liệt hai xã An Thạnh, An Sơn, các đồng chí lãnh đạo khu ủy ban chỉ đạo tiền phương, E Đồng Nai, Huyện ủy, huyện Đoàn Lái Thiêu như: Năm Thuận, Sáu Phát, Út Mương, Tám Hùng, Đức v.v... đã về bám trụ trực tiếp chỉ đạo vùng này. Căn hầm nuôi giấu số cán bộ trên, được đặt tại nhà bà, được bà chăm lo, bảo vệ an toàn. Năm 1969 có một tên chiêu hồi biết mặt bà, bà có nguy cơ bị lộ

được tổ chức phân công, bà gởi hai con cho người chị, bàn giao nhiệm vụ, lãnh mặt theo người bạn về bán chanh ớt và hoạt động tại Chợ chiều Long Hải.

Thời gian này, Biên Hòa cũng như nhiều nơi khác ở Miền Nam. địch phản kích ác liệt vào phong trào Cách mạng, nhiều cán bộ bị chúng bắn giết, tù đày. Bà được tăng cường về đây hoạt động dưới sự chỉ huy của đồng chí Năm vàng, Tư Kỳ sinh hoạt tại Chi bộ Chợ Biên Hòa do đồng chí Tám Huệ làm bí thư.

Về Biên Hoà, không nhà cửa, không người quen, người phụ nữ xinh đẹp hơn ba mươi tuổi này đã phải lặn lội giữa chợ đời để sống và hoạt động Cách mạng. Sạp cá khô trong chợ Biên Hòa là nơi bà tranh thủ vào đọc công văn, chỉ thị mỗi khi cấp trên đưa về.

Lúc này bà được giao hoạt động phong trào, làm công tác dân vận bà thường xuyên đi chùa lễ Phật, nhưng cũng năng đi lễ đọc kinh tại các nhà thờ, bà gia nhập “Công đoàn buôn gánh bán bưng” do-ngụy lập ra, lãnh đạo chị em tiểu thương nghèo, đấu tranh giành chỗ ngồi, không để bọn địch đuổi đi để chúng xây chợ. Bà giác ngộ anh em Công đoàn khuân vác, không để bọn địch lợi dụng bóc lột anh em. Bà gân gủi các dì, các chị có con em tham gia ngụy quân, ngụy quyền, tâm tình giải thích để họ kêu gọi con em bỏ ngũ để trở về với nhân dân, bà xây dựng cảm tình viên tù các chị em tiểu thương tốt để họ sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ, làm công tác vận động quần chúng.

Trong lúc phong trào hoạt động đang lên, thì bà nhận tin chồng hy sinh (1972), lúc này, ông đã là Huyện đội phó kiêm trưởng công an huyện Lái Thiêu. Nén niềm đau trong tim, bà càng ráo riết hoạt động. Được sự đồng ý của cấp trên, bà mượn thêm tiền mua căn nhà nhỏ (nay là nhà số 9 đường Phan Chu Trinh Phường Thanh Bình, nơi bán vỏ ruột xe, bán cơm bình dân của anh Tám Hiền con rể bà) gần đồn Quân vụ thị trấn Biên Hòa mở thêm quán nhậu ban đêm để dễ dàng nắm tình hình qua bọn lính ngụy, cảnh sát ngụy đến ăn nhậu tại đây. Thời gian này có một số cán bộ bị đứt liên lạc từ lâu cũng được bà móc nối hoạt động trở lại như đồng chí Chín Ngọc, Ba Mua , Hai Vui.

Khoảng giữa tháng 4/75; Tình thế Cách mạng dâng lên mạnh mẽ, tin thắng trận khắp nơi bay về tới tấp, bà cùng một số cán bộ được triệu tập ra Long Hải để quán triệt chủ trương, chính sách của Cách mạng khi về giải phóng và tiếp quản Thành phố. Bà tham gia vào ban khởi nghĩa nội thị gồm 9 người do đồng chí Chín Ngọc làm trưởng ban. Trở về, bà khẩn trương chuẩn bị lương thực, thuốc men, in tài liệu, truyền đơn, may cờ v.v... để chuẩn bị nổi dậy.

Chiều 29/4 bọn địch thả tù ở khám đường Biên Hòa ra, nghe tin một số tù chính trị còn vương ở tiểu khu, bà con cùng một số cán bộ đột nhập vào tiểu khu đón họ về nhà bà. Suốt đêm 29 rạng 30/4, nhà bà như một trạm giao liên, đón nhận chăm sóc thuốc men, lo ăn uống cho các cán bộ tù chính trị, đau bệnh nặng hoặc nhà ở xa chưa về kịp.

Hơn 6 giờ sáng ngày 30/4/1975, được sự tiếp tay của đồng chí Mượn - cảnh sát ở dinh tỉnh trưởng và là nội tuyến của ta - bà đột nhập vào dinh. Ôm chặt lá cờ giải phóng trong tay, bao cảm xúc, hồi hộp, lo âu, xúc động dâng tràn trong tâm tưởng. Ô ! Biết đâu ở một góc xó xỉnh nào đó trong dinh này, hay bên ngoài đường phố kia, vẫn còn những tên lính ngụy ngoan cố sẵn sàng ghim những viên đạn vào thẳng trái tim bà. Thế nhưng Bà vẫn tiến nhanh về hướng cột cờ... lá cờ dài hai mét, rộng một mét, nửa đỏ, nửa xanh, lá cờ đã thấm đượm xương máu của biết bao đồng chí, đồng bào, của chính người chồng thân yêu của bà, nay đang hiên ngang tung bay trên bầu trời cao rộng giữa lòng Thành phố.

Giọt nước mắt nào đủ để bà khóc cho ngày vui sướng hôm nay... Bên kia đồn quân trấn, bọn lính Biệt động quân đang rút chạy hoảng loạn vì hay tin Việt cộng đã cắm cờ trên dinh Tỉnh trưởng Biên Hòa. Ngoài xa kia, tiếng súng vẫn đi đùng vang vọng trở lại... Bà vẫn ngồi đó, kiên trung, dũng cảm, giữ vững ngọn cờ... 10 giờ 30 phút sáng hôm ấy TP. Biên Hòa hoàn toàn giải phóng.

Một buổi sáng đầu tháng 4/1995, chúng tôi tìm về xã An Thạnh anh hùng - Nơi có căn nhà nhỏ của người nữ Đảng viên Trương Thị Sáu - Người mà tên tuổi đã đi vào lịch sử TP. Biên Hòa như một huyền thoại. Hai mươi năm đi qua, lưng bà nay đã gù, trên đầu những cọng tóc lơ thơ cháy nắng, chúng tôi gặp được bà sau một phiên chợ sáng ở quê. Bà cười khi nghe tôi hỏi: bán có lời nhiều không má ? Bà bảo bà bán cho vui, đi bán cho gần gũi với bà con chòm xóm, chứ đời sống của bà đã có lương hưu và con cái lo rồi.

Rồi bà kể cho tôi nghe chuyện sau ngày giải phóng: bà được phân công làm phó chủ tịch khu 2 (Nay là phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa) một năm sau bà chuyển về phòng Thương nghiệp và được tổ chức cử đi học bổ túc văn hóa ở Vũng Tàu: học hết lớp 6, bà quay về công tác ở ngành Thương nghiệp Biên Hòa được hai năm. Do căn bệnh thân kinh tọa trở nặng, sức khỏe quá yếu bà xin được về hưu cho đến nay.

Bà cười khi nghe nhắc đến chuyện ngày xưa. Bà cười: “Hồng hiệu sao hồi đó má mê Cách mạng đến vậy, không nghĩ đến hiểm nguy, không nghĩ đến bạc tiền, Đảng gọi là đi, Cách mạng cần là tới, chỉ cần có cái gánh trên lưng” - “Còn bây giờ sao hả má ?” Bà nhìn đôi mắt dôi xa xăm: “Đất nước mình đang đi lên, bà con mình ngày càng no ấm má mừng lắm, nhưng bây giờ mỗi khi có việc cần đến chính quyền, má thấy chán mấy ông “quan con” quá !”

Anh Lê Văn Vân, con trai bà hiện là phó chánh án tòa án Huyện Thuận An, ngồi gần đây vội chen vào: “Bây giờ sử đổi nhiều lắm má ơi!”. Bà cười nụ cười bao dung của người mẹ.

Nắng tháng tư lên cao, từ biệt bà – Người con gái ngoan cường của quê hương An Thạnh, người nữ đảng viên kiên trung của Thành phố quê tôi. Chúng tôi quay về thành phố. Gió ngoài đồng mát rượi, mang theo tôi người mẹ Việt Nam bình dị và kiên trung, táo tợn hôm sớm “ nửa gánh nuôi quân, nửa gánh nuôi con”.

Báo lao động Đồng nai ra ngày 15/11/95

ĐỔI MỚI BÁO CHÍ ĐỂ GÓP PHẦN ĐỔI MỚI XÃ HỘI

HÀ THỊ HỒNG

LTS : Tại Đại hội nhà báo tỉnh ta vừa qua, nhiều anh chị em hội viên nhà báo đã đọc tham luận đề cập đến những vấn đề “Đổi mới báo chí để góp phần đổi mới xã hội”. Chúng tôi xin trích đăng một số ý kiến để bạn đọc tham khảo.

VÀI Ý KIẾN VỀ TÍNH CÔNG KHAI TRÊN BÁO CHÍ (Trích tham luận của đồng chí Huỳnh Kim Ngọc, hội viên chi hội Đài phát thanh Đồng Nai)

Làm báo không chỉ tập trung tất cả vào việc chống tiêu cực đó chỉ là một nội dung mới trong thông tin báo chí còn phải là diễn đàn của nhân dân, thông báo những điều mà nhân dân cần biết. Lẽ ra ít nhất 6 tháng một lần các đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh phải thông báo tình hình của tỉnh trên báo chí và sau đó trả lời những câu hỏi, nghiên cứu những ý kiến đóng góp của nhân dân một cách công khai. Các Sở, ban, ngành cũng có trách nhiệm đối thoại và trả lời những chất vấn của nhân dân một cách công khai chứ không thể duy trì tình trạng né tránh, bưng bít thông tin như hiện nay. Thật thiệt thòi cho nhà báo và nhân dân, khi bản thân các nhà báo cũng không được những thông tin đầy đủ và chính xác dù đó là tình hình của địa phương mình. Nhiều Sở ban ngành bây giờ, họp sơ kết, tổng kết không mời báo chí. Các đồng chí lãnh đạo các sở ban ngành có tâm trạng báo chí bây giờ chuyên bơi móc chứ không hề hả võ tay cổ vũ máy móc như trước. Công tác tổ chức nói chung còn nhiều vướng mắc nên có đồng chí mới nhận chức được 6-7 tháng không dám phát biểu vì sợ đụng chạm ! Đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở đang họp khắp nơi, nhưng thử hỏi báo đài trong tỉnh phản ánh được gì sâu sắc về vấn đề này ? Cái gút mắt là vấn đề dân sự thì hình như từ cơ sở cho đến nhà báo đều ngại nói hay viết. Hình như đây là chứng bệnh nan y còn di căn lại từ trên xuống dưới. Ở TW chỉ riêng máy bay rơi ở Thái Lan không kịp thời đưa tin và danh sách nạn nhân; nhân sự đoàn VĐV đi Olympic Seoul không công khai rõ ràng v.v... và lùì lại một chút là vụ đóí kém ở Miền Bắc; vụ công trình thủy điện Trị An hư 100 ngày không biết ai đâu là đâu cả.

Thưa các đồng chí !

Nỗi băn khoăn lớn nhất của các nhà báo là viết bài đưa tin thế nào có hiệu quả hơn, toàn diện hơn; phương tiện, điều kiện công tác kha khá hơn, chống tiêu cực có kết quả hơn; đời sống gia đình tạm ổn định hơn. Đã là nhà báo có tâm huyết thì sống chết với nghề nghiệp vì lương tâm và trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Luật báo chí sắp ban hành là một thuận lợi cơ bản cho báo chí. Nhưng từ bộ luật trên giấy muốn thực hiện có hiệu quả thực sự thì không phải dễ gàn gì. Có lẽ sau một năm thực hiện Chỉ thị 15 hoạt động báo chí trong tỉnh ta chưa đến nổi khựng lại như ở nơi khác nhưng nếu không thì thật đáng buồn. Báo chí không có ảo tưởng về vai trò của mình trong cuộc đổi mới, trong thực hiện tính công khai và dân chủ, báo chí không sốt ruột nóng vội... Nhưng nếu báo chí không được đổi mới nói chung và thực hiện công khai dân chủ cũng không có đổi mới trong toàn xã hội.

NGƯỜI LÀM BÁO TRƯỚC CUỘC SỐNG HIỆN NAY

(Tham luận của đồng chí Nguyễn Thị Tư, hội viên hội báo văn nghệ)

Quay về với những con người đang sống trên mảnh đất ở Đồng Nai chúng ta thấy vẫn còn nhiều điều đáng băn khoăn, lo ngại. Hơn lúc nào hết, những người cầm bút chúng ta đang đứng trước một hiện thực đầy dẫy những khó khăn phức tạp. Chúng ta phải đối diện với những vấn đề nóng bỏng, gay gắt của cuộc sống hôm nay, phải ngày ngày vừa chứng kiến vừa tham gia cuộc giao tranh quyết liệt giữa cái mới và cái cũ, cái thực và cái giả, cái tốt và cái xấu, giữa chân lý và sự giả dối, giữa ánh sáng và bóng tối. Giờ đây, điều vui mừng lớn nhất hiện nay là ta đang chuyển sang giai đoạn xây dựng đất nước vô cùng mới mẻ, giai đoạn dám nhìn thẳng vào hiện thực, dám gọi tên những thắng lợi lẫn sự thiếu sót và nhảm lẫn trong quá khứ, ôn cái cũ rồi mới hiểu cái mới. Lý luận ấy thật đơn giản. Nhưng để thực hiện được điều đó, chúng ta phải mất bao nhiêu năm tháng để tự đấu tranh trong suy nghĩ chính mình và đấu tranh với đồng đội.

Bước vào công cuộc vận động đổi mới của đất nước để chuẩn bị cho một tương lai tốt đẹp hơn, chúng tôi nghĩ báo chí giống như một sinh mệnh cần phải phấn đấu cho sự hô hấp của mình. Mà thứ không khí để báo chí thở là tự do, là dân chủ, là công khai với nghĩa chân chính nhất. Thiếu đi những thứ đó, hoạt động báo chí sẽ trở nên vô bổ, những người làm báo sẽ chẳng có ích gì cho cuộc sống.

Từ hai năm nay, cùng với các cơ quan báo, đài trong tỉnh, báo Đồng Nai cũng xông vào mặt trận chống tiêu cực ở địa phương. Bước đầu đã đưa ra trước công luận một số vụ việc đang làm quần quai lương tri của nhiều người, đặc biệt là trên lãnh vực quản lý kinh tế, văn hóa và giáo dục. Đã đến lúc cuộc sống đòi hỏi những người viết báo phải dũng cảm nói thẳng, nói thực, không cần phải bóng gió xa xôi gì nữa. Người đọc hiện nay khó lòng chấp nhận những bài báo nói, viết về những điển hình chung chung tốt hoặc xấu khiến người ta chỉ vào mình phần tốt, còn phần xấu thì của người khác, nơi khác. tất nhiên với đặc thù của báo Văn nghệ, những hiện tượng đưa ra lại phải đạt yêu cầu về tính khái quát trong văn học. Nghiêm khắc mà nhìn nhận, chúng tôi thấy sự phản ánh của mình còn quá bé nhỏ so với kích thước đồ sộ của hiện thực.

Bây giờ cái tốt phủ lấp quá đầy, cái mới còn nhỏ nhoi, non nớt, thậm chí không phải dễ nhận thấy vì có khi nó như chiếc lá mỏng manh của những mầm xanh vừa mới nhú lên khỏi lòng đất ẩm. Cái cũ, cái xấu, cái mà chúng ta đang gọi cho nó một cái tên khá lịch sự là “những hiện tượng tiêu cực” thì đã có cái gốc, cái rễ lâu năm, già đạn và xảo quyệt. Nó xuất hiện trong cuộc sống với nhiều dạng vẻ: Có lúc đó nhà lãnh đạo, có lúc đó là người ta vẫn tin cậy, là bè bạn, là đồng đội, là những người ruột rà yêu dấu của ta... Thế lực đó cũng nói rất thạo về chủ nghĩa Mác, cũng thao thao bất tuyệt về “đổi mới tư duy”... cũng khoác danh hiệu “cáo mới” để chống lại cái mới thật sự. Những người viết báo, viết văn phải lật tẩy cho sự lứ bịp đó. Tại sao lại né tránh viết về một người cụ thể, một việc cụ thể, một đơn vị, địa phương cụ thể? Tại sao vẫn còn tình trạng một số cán bộ lãnh đạo tỉnh ta cứ dùng dằng trước những bài báo viết ra rằng: việc này việc nọ chưa nên đưa ra... hoặc: tình hình đang còn nhiều phức tạp lắm, tung ra lúc này chưa có lợi v.v... Xin hỏi các đồng chí còn đợi đến lúc nào nữa ? Chúng tôi nghĩ chừng nào các đồng chí lãnh đạo còn thờ ơ với hoạt động báo chí, chừng nào những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước còn chưa quan tâm đúng mức đến chức năng, vai trò của người làm báo, thì đừng nói gì đến khái niệm “đổi mới đi lên”

Điều cuối cùng, chúng tôi muốn chia sẻ với các bạn đồng nghiệp là: trong công cuộc đổi mới hiện nay, chúng ta cứ tiếp tục phanh phui chỉ ra cho hết những thứ rác rưởi, nhưng đừng ngơ sởi trước vẻ đẹp của một bông hoa hồng. Giết được con chuột nhưng

đừng làm vỡ chiếc bình thủy tinh đựng nó mong sao trí tuệ của chúng ta trở thành một tia sáng còn mạnh hơn cả ánh sáng mặt trời để nhìn cho ra mọi góc ngách tinh vi của thế giới sự vật chung quanh mình.

ĐỔI MỚI PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA ĐẢNG VIÊN

(Trích tham luận của đồng chí Xuân Lập, hội viên hội nhà báo Đồng Nai)

Ngày nay, muốn đổi mới xã hội trước hết phải đổi mới báo chí. Mà báo chí muốn đổi mới thì vấn đề quyết định là bản thân mỗi nhà báo phải tự vận động vươn lên đổi mới chính mình.

Đổi mới là đoạn tuyệt với cái cũ lỗi thời. Đó là tư tưởng, phong cách thủ cựu, bệnh hành chính quan liêu xa rời thực tế như: kiểu “cưỡi ngựa xem hoa” khi đi lấy tin, lối viết câu thả sơ sài, nặng về biểu dương thành tích chung chung, sự kết luận vội vàng áp đặt đội từ trên xuống của các ông “quan bao”... Muốn có một phong cách làm việc mới - theo tôi - không có cách nào hơn là phải lăn lộn với thực tiễn, quan tâm nhiều hơn nữa đến đời sống người lao động, đến tất cả vấn đề mà cuộc sống đặt ra, đưa công khai lên báo để “dân biết, dân bàn, dân làm dân kiểm tra”. Không tránh né những “vùng cấm”, “vùng tránh”, bởi chúng ta có sức mạnh to lớn là đứng trên quan điểm tập trường của Đảng để trình bày và phân tích tất cả các lĩnh vực tồn tại của xã hội. Sự thật là chân lý và sức mạnh. Chúng ta luôn luôn tôn trọng sự thật. Cũng từ diễn đàn này tôi đề nghị các đồng chí lãnh đạo, các cơ quan lãnh đạo hãy quan tâm và có trách nhiệm hơn nữa đến báo chí bằng cách trao quyền chủ động cho các tòa soạn báo, cho các tổng biên tập, giám đốc đài... Hãy loại bỏ những cú điện thoại yêu cầu đăng bài này, bỏ bà kia mà cần ngồi vào bàn thảo luận kỹ càng từng vấn đề, có như vậy quá trình dân chủ hóa, công khai hóa mới được mở rộng và đi tới đích.

Lây nay những người làm báo rất kỵ nói về mình cả về những ưu khuyết điểm cũng như những khó khăn thiếu thốn bộn bề ảnh hưởng trực tiếp đến tính chất nhanh nhạy, chính xác của nghề nghiệp. Nhà báo khó có thể có mặt tức thời ở những nơi có sự kiện mới nảy sinh nếu như họ không có phương tiện đi lại và trong “ngân sách gia đình” đã phải dùng đến đồng lương cuối cùng để mua dưa cà, mắm muối. Chính sự thiếu thốn này đôi khi đẩy một số nhà báo đến chỗ sai phạm. Ở đây sự thật đôi khi rất phủ phàn nhưng dù sao vẫn cứ là sự thật. Tuy nhiệm đại đa số nhà báo chúng ta đều xác định rằng khi đã dấn thân vào nghề báo thì sự giàu sang phú quý không phải là lợi tức của nhà báo. Cái được lớn nhất của nhà báo là được tự do mang vốn hiểu biết của mình để bênh vực lẽ phải, bênh vực tự do và công lý. Trong đấu tranh chống tiêu cực, thái độ tốt nhất của nhà báo là điềm tĩnh, nhìn nhận, trình bày và đánh giá kết luận mọi vấn đề, đồng thời luôn tỏ ra là người có bản lĩnh, có suy nghĩ độc lập, không chịu khuất phục trước bất cứ một áp lực nào. Nhà báo không bao giờ được bẻ cong ngòi bút cũng như không có quyền được sử dụng tờ báo như một công cụ phục cho lợi ích cá nhân mình. trong hoàn cảnh “nước sôi, lửa bỏng” như hiện nay ranh giới giữa cái tốt và cái xấu, cái cao cả và thấp hèn chẳng cách xa nhau mấy gang tấc. Nhà báo có thể được hết sức kính trọng nếu như anh ta có đạo đức và tác phong làm việc tốt và ngược lại”.

Để kết thúc bài tham luận của mình, tôi xin nêu ra đây lời căn dặn của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh với các nhà báo nhân ngày nhà báo Việt Nam 21-6-1987 : “Nhà báo phải có tấm lòng trung thực. Yêu người đúng làm đúng, làm tốt để ca ngợi, ghét bọn làm xấu, làm sao làm sai, làm ác để lên án. Vai trò của nhà báo là đem ánh sáng trong lành tỏa rộng ra, đẩy lùi, thu hẹp và xóa dần bóng tối”./

NHỮNG NGHỆ SĨ NÔNG DÂN LÀNG BẾN GỖ

PHAN TÚ

300 năm qua, ngôi làng này - một công đồng cư dân tiêu biểu của Đồng Nai từ thời mở đất đến nay - vẫn còn lưu giữ nhiều nét đẹp, đặc trưng văn hóa của một làng quê Việt ở Nam bộ: đình An Hòa (đã được xếp hạng), chùa Ông Tượng, chùa Long Bảo, chợ Bến Gõ, miếu Bà Mụ; rồi những di sản văn hóa phi vật thể như thú chơi câu đối, hội đua thuyền, lễ hội “thả giàn cầu thực”... Nhưng ít ai biết rằng, nơi đây vẫn còn gìn giữ đến ngày nay những thế hệ nghệ sĩ nông dân và một đoàn hát bội.

Năm 1976, gánh hát bội xã An Hòa ra đời hòa với không khí văn nghệ những ngày đầu thống nhất đất nước. Bấy giờ ông Nguyễn Văn Làm - một nông dân yêu thích nghệ thuật tuồng trong xã, đứng ra phụ trách đoàn. Dân làng Bến Gõ đến bây giờ vẫn quen gọi ông là ông bầu ! Bầu làm. Gần hai mươi hai năm, một đội văn nghệ nghiệp dư với trăm thiếu thốn mà vẫn tồn tại, phát triển đến ngày nay thật là điều hiếm thấy.

Bắt đầu từ những hoành chấn, đồ đám ma sửa sang lại để làm đạo cụ , đến nay, họ đã có trong tay một gia tài những trang phục chất chiu từ đồng tiền ủng hộ của bà con. Điều đáng quý hơn là họ còn có một gia sản nghệ thuật 24 vở tuồng tự biên tự diễn và có khả năng đáp ứng nhu cầu của một lượng khán giả lớn, không chỉ ở khu vực Biên Hòa mà còn trải ra ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước trong các lễ kỷ yên. Sau những ngày đi diễn tất bật như thế, những nghệ sĩ làng Bến Gõ lại trở về với cây lúa, con cá, con tôm. Đã có nhiều nhà nghiên cứu hết sức bất ngờ khi tìm cách lý giải sức sống của nhóm văn nghệ dân lập này.

CHA TRUYỀN CON NÓI

Trong căn nhà ngói rất Nam bộ, bác Bùi Văn Tô, chủ nhà vẫn còn lưu giữ nhiều bức ảnh hoạt động của đoàn tuồng An Hòa. Ông là một trong những thành viên sáng lập đoàn, năm nay đã trên 85 tuổi. Tuổi già sức yếu là vậy nhưng khi nghe chúng tôi hỏi chuyện đoàn tuồng, đôi mắt ông chợt long lanh: “Tui yêu thích tuồng từ lúc còn nhỏ. Nhìn các chú các anh diễn mà mê lắm. Mê quá nên bỏ học để các chú, các anh truyền nghề. Lúc đầu chỉ tập hát nam, hát khách. Sau này tôi biết được tuồng tích, rồi cùng anh em dựng vở”.

Hai người con của bác Tô - anh Bùi Văn Thanh và anh Bùi Văn Ích – giờ đây vẫn tiếp nối niềm yêu thích của người cha mình và đang là thành viên chính của đoàn hát bội An Hòa. Khi nhắc đến anh Ích, bà con ở An Hòa nhiều người gọi anh là Trương Phi - tên nhân vật mà anh đóng khá thành công cùng với nhân vật Tả Ôn Đình. Kỷ niệm của anh Ích về nghề hát bội cũng là câu chuyện tuổi thơ sống trong ngôi làng đậm đà bản sắc Việt Nam: hồi nhỏ khi còn học sinh, thấy các chú các anh cúng đình rồi hát tuồng, tui rủ anh em bạn học chung mua phấn vẽ mặt, bắt chước hát nữa. Khi lớn lên, chú Tư (tức là ông bầu Tư Làm, trưởng đoàn) thành lập đoàn, tui xin vô phục vụ từ đó tới giờ.

Có khá nhiều thành viên đoàn hát bội An Hòa đến với nghệ thuật từ niềm say mê của cha, anh mình. Anh Nguyễn Văn Lành con ông bầu Làm - tâm sự: Lúc nhỏ được cha cho đóng vai quân sĩ rồi mộ điệu, sau ráng học hát, xin cha cho diễn. Đoàn hát được bà con trong hương thôn bá tánh yêu chuộng nên anh em tui không dám phụ lòng bà con.

SỐNG GIỮA LÒNG DÂN

Khán giả yêu chuộng, bà con quý mến là động lực để các thế hệ cùng đến và gắn bó với đoàn hát. Anh Huỳnh Văn Hùng - công nhân nhà máy giấy Cogido - người chuyên thủ vai Điền Đơn, Hải Thọ trong các vở Chung Vô Diễm, Xứ Bá Đạo nói rằng, nếu không có sự đùm bọc của bà con các nơi đến diễn thì đoàn khó tồn tại đến nay. Có những suất diễn, các diễn viên được bồi dưỡng đủ tiền uống cà phê; những nơi được bà con ủng hộ nhiều thì đoàn để lại một ít sắm đạo cụ.

Do biên chế quá ít - 25 người - các thành viên đoàn phải kiêm nhiệm nhiều công việc: hóa trang, may đồ, thiết kế mỹ thuật. Chị Nguyễn Thị Hoa - hiện là đội trưởng kiêm huấn luyện viên đội lân Trần Quốc Toàn, là thầy thuốc đông y, đồng thời cũng là diễn viên nữ và là người hóa trang giỏi nhất đoàn. Chị Trần Thị Ngu - một đào chính của gánh hát, cũng đồng thời là đội trưởng đội đua thuyền nữ nổi tiếng của xã An Hòa, đội đua thuyền từng giành giải nhì trong cuộc thi đua thuyền toàn quốc. Có lần một nhà báo hỏi chị Ngu: Đóng vai Chung Vô Diễm phải hóa trang cho xấu, chị có buồn không? Chị trả lời tình queo: “Đóng vai gì mà cô bác thích là mình vui rồi”.

Đó không chỉ là ý nghĩ của chị Ngu mà là của nhiều thành viên trong đoàn. Và không có gì ngạc nhiên nếu biết rằng hầu hết các diễn viên chân đất này rất tích cực tham gia các hoạt động xã hội khác trong xóm ấp như hội cúng đình, hội đám ma, hội lân, hội đua thuyền.

CÒN NGUYỄN VỆ HƠI THỞ DÂN GIAN

Ông bầu Làm - linh hồn của đoàn hát - là người không biết chữ, thế nhưng rất rành về tuồng tích. Dàn dựng một vở diễn là quá trình sáng tác tập thể. Ông cho biết là chưa từng được học tuồng, chỉ là học từ những gánh hát trong làng xa xưa. Tích truyện thì nhờ cô bác góp vào “thảo ra cái văn, lên tuồng rồi lên sân khấu hát. Trước khi biểu diễn thì nhờ Thông tin Văn hóa xã coi vấn đề văn tự nó có gì không... Diễn ở xã nhà trước rồi mới đi lưu diễn”.

Chất lượng văn học hay trình độ nghệ thuật xin chưa bàn đến tháng có một điều rõ ràng là khối lượng vở diễn đồ sộ của đoàn đã góp phần đáp ứng được nhu cầu tinh thần của rất đông bà con, đặc biệt là thế hệ lớn tuổi ở nhiều miền quê của nhiều tỉnh. Ông bầu Làm cho biết thêm: Đoàn tránh dàn dựng những vở bi thảm, những vở có sát nhân, chỉ chọn những vở tuồng chính sử Việt Nam hoặc những tích tuồng có Tôn Vương, Tôn Soái. Các công thức dựng tuồng có tôn vương là: “Vua băng - Nịnh tiếm - Bà Chúa lên chùa - chém nịnh - định đô - tôn vương - tức vị” phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ của nhân dân, nhất là trong các dịp lễ hội mà không phải đoàn tuồng chuyên nghiệp nào cũng có đủ.

Trong khi nhiều đoàn hát bội chuyên nghiệp quy mô lớn, có diễn viên hát hay, múa giỏi, được Nhà nước đầu tư đường hoàng lại điều đứng trong cơ chế thị trường thì gánh hát nghiệp dư An Hòa vẫn tồn tại trên 22 năm, từ không đến có. PTS Huỳnh Văn Tới lý giải: Xem đoàn biểu diễn nhiều buổi, nhiều nơi, tôi mới nghiệm ra rằng: Đoàn hát bội An Hòa có sức sống do nó còn nguyên vẹn hơi thở của dân gian từ cách tổ chức, tập dượt, soạn tuồng, biểu diễn phục vụ đến việc hưởng thù lao không bằng hình thức bán vé. Đặc biệt, đoàn hát bội An Hội còn thực hiện được chức năng sinh hoạt tín ngưỡng gắn với lễ hội cúng đình, cúng miếu ở nông thôn Nam bộ.

MAI SAU DÙ CÓ BAO GIỜ...

Theo những nhà nghiên cứu, trước đây, hát bội là loại hình nghệ thuật biểu diễn

thống trị trong đời sống văn hóa của người dân Nam bộ. Sau này, hát bội bị cải lương giành mất khỏi vị trí vốn có của nó. Hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh có một đoàn hát bội chuyên nghiệp và có hai nhóm hát bội có tính chất tư nhân. Nhưng mà những đoàn ấy cũng không phát triển lắm. Trong những năm gần đây, do việc chúng ta phục hồi các hình thức hội lễ nên các đoàn hát bội chuyên nghiệp cũng như các đoàn bán chuyên nghiệp khác có điều kiện hoạt động trở lại và bắt đầu khởi sắc. Nhưng trong công chúng, nhất là giới trẻ, thì hát bội không nằm trong danh mục những loại hình nghệ thuật để đi xem, để thưởng thức nữa. Đó cũng là một nỗi buồn của những người nghệ sĩ chân đất ở An Hòa. Anh Nguyễn Văn Tần - một diễn viên của đoàn - nói: Đi diễn nhiều nơi, tôi thấy lớp trẻ giờ không thích hát bội. Buồn lắm nhưng biết làm sao ?

Khi được hỏi về thực trạng này, nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng lý giải: Hát bội bị mất đi khán giả có nhiều nguyên nhân nhưng trong đó có một nguyên nhân tự thân. Đó là hát bội được diễn xuất bằng những ngôn ngữ, những động tác mang tính chất biểu trưng. Nó đòi hỏi người xem phải có một số hiểu biết nhất định. Nhưng trong nhà trường chúng ta không dạy điều này, do đó lớp trẻ không biết, mà phạm các gì «hữu tri» mới «khả mộ»...

MỘT MÔ HÌNH XÃ HỘI HÓA

Ba vở đoàn chính sử được đoàn trình diễn nhiều nhất năm 1980 đến nay là Bạch Đằng Giang dậy sóng, Lý Thường Kiệt phạt Tống và Nguyễn Huệ bình Thăng Long. Không chỉ phục vụ trong các dịp lễ hội, khi cần đoàn hát bội An Hòa cũng còn phục vụ nhiều nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thế nhưng, hiện nay bên cạnh khó khăn do giới trẻ lãng quên nghệ thuật truyền thống, gánh hát dân lập này còn gặp phải nhiều cái thiếu. Không có máy tàng âm, không có dàn nhạc riêng nói chi đến xe lam để vận chuyển.

Đoàn hát bội xã An Hòa - huyện Long Thành là tổ chức văn nghệ dân lập đã hình thành và phát triển từ trước khi có sự vận động xã hội hóa hoạt động văn hóa, đoàn xứng đáng được Nhà nước tiếp sức để phát huy, phát triển tài sản văn hóa dân tộc ở địa phương. Mong rằng ngành VH TT có những hình thức hỗ trợ thiết thực như cấp thêm kinh phí, cấp giấy phép hoạt động... Mặt khác, ngành nên tổ chức chỉ đạo truyền nghề cho lớp trẻ, tạo điều kiện cho các nghệ sĩ nông dân này được học tập thêm ở các bậc thầy để nâng cao chất lượng nghệ thuật.

Đặc san chào mừng Biên Hòa –Đồng Nai

300 năm, ra tháng 12/1998

MÃ ĐÀ, SƠN CƯỚC, ANH HÙNG TỰ

DƯƠNG NHẬT HUY

Chúng tôi theo đoàn của Tỉnh ủy về lại chiến khu Đ. Chưa bao giờ có một chuyến đi về rừng dài và thú vị như thế. Đường đất đỏ trải dài hun hắm xe chạy sau xe trước năm, bảy mét đã không thấy gì. Nhưng mùa nắng, đường bằng phẳng và bụi mù cũng chỉ làm thành một đường dài trong thảm xanh điệp trùng của rừng. Chị Ba Hòa - Chủ tịch Hội phụ nữ tỉnh, chỉ con đường, nói với mọi người: «Đường này có tên là đường Trần Lệ Xuân, vợ của Ngô Đình Nhu, cho mở đường để chở gỗ và hàng kiểm soát rừng Mã Đà. Nhưng cuối cùng, con đường do chúng lập ra chúng lại không sử dụng được...»

Trước khi đến trung tâm của chiến khu Đ. đoàn về ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu. Nghe tin những người vài chục năm trước từng sống và chiến đấu ở đây trở về, bà con dân tộc Chơ - Ro đã đến chờ đón từ sáng. Những người ngày xưa giờ đang ở cương vị lãnh đạo hoặc có trọng trách, nhưng bà con vẫn thân thuộc, gần gũi, tay bắt mặt mừng. Tình cảm ấy không phải bây giờ mới có. Ông Sáu Chí (Nguyễn Văn Chí), nguyên Phó bí thư khu ủy miền Đông Nam bộ, nói: Công lao của đồng bào thật quá cỡ. Dù có bao nhiêu nhà văn, nhà thơ cũng không nói hết tình cảm và công sức của bà con. Rừng chiến khu Đ. là nơi chứa đựng cả bộ tham mưu của Cách mạng miền Nam. Không chỉ khu ủy mà Trung ương Cục miền Nam cũng đã được thành lập trên đất này. Rừng ở đây có vị trí đặc biệt, như Tố Hữu đã viết: «*Rừng che bộ đội - Rừng vây quân thù*». Nhưng dù thế nào đi nữa cũng không bằng rừng người. Rừng cây bạt ngàn, Tây đến ở được, Mỹ cũng ở được. Còn rừng người chỉ Việt Minh ở được, giải phóng quân ở được... ». Ông Sáu - đầu - bạc, theo cách gọi của bà con dân tộc, nói đến đây làm nhiều người rung rung. Còn già làng Năm Nổi, tuổi xấp xỉ ông, đã khóc nức nở. Anh Sáu Phương, Phó chủ tịch UBND tỉnh, ngày trước từng là Phó ban điều hành của trường Đảng khu ủy, Trưởng ban thanh vận, kể: Có thời gian địch đánh bom quá ác liệt khu ủy bàn đưa bớt đồng bào trong rừng ra gần khu vực ấp chiến lược nhưng bà con nhất định không chịu, cùng ở và cùng gian khổ, hy sinh với chiến sĩ. Bởi vậy, theo anh, sự chịu đựng, bám trụ của bà con dân tộc ở Lý Lịch xứng đáng là anh hùng. Sắp tới, đề nghị Nhà nước trao tặng danh hiệu anh hùng, cùng với việc phục hồi địa danh xã Lý Lịch như hồi kháng chiến. Chúng tôi nghĩ, không chỉ ở chiến khu Đ, nhiều nơi trên đất nước này cũng đã có những hy sinh, mất mát to lớn. Điều ấy, phải được ghi nhận xứng đáng, hay nói theo cách của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Phan Văn Trang: «về lại chiến khu là để mọi người cùng nhớ và suy nghĩ. Lãng quên quá khứ là có tội với cha ông!».

Từ xã Lý Lịch, đoàn «Về nguồn» đi ngược về thượng nguồn trên vài chục cây số. Một nơi, bây giờ là Phân trường Rang Rang của Lâm trường Mã Đà. Những con đường đất đỏ chia cắt rừng cây thành những thửa rừng. Nếu không có những con đường ấy, không biết đây là đâu. Vậy mà, giữa rừng này ngày trước là một trụ sở nổi tiếng, có cả sân bay, được lập ra để chuẩn bị cho cuộc gặp mặt bốn bên. Từ Rang Rang, ngược xuống trên mười cây số là khu vực suối Bờ Hào. Chính đây là trung tâm của chiến khu Đ với trên 60 cơ quan đã đóng trong suốt thời kỳ chống Mỹ. Đồng chí Mai Chí Thọ, nguyên Bí thư khu

ủy miền Đông kể: «Tôi đã đi nhiều rừng, Nam có, Bắc có vẫn chưa thấy có rừng nào nhiều cây trái như chiến khu Đ. Suốt thời kỳ chống Mỹ, bộ đội, cán bộ ở chiến khu Đ dùng cây trái và thú rừng làm lương thực, thực phẩm. Năm khi mười họa mới có bữa cơm. Nhưng rừng Mã Đà đã nuôi trên 4.000 đồng bào, chiến sĩ. Nhiều cây rừng đã trên 500 năm, hàng chục người ôm mới xuê. Ông cũng đề nghị chính quyền các cấp phải gìn giữ cho được rừng Mã Đà. Là người từng gắn bó lâu dài với chiến khu, anh Sáu Phương không dấu vẻ nuối tiếc: Nhiều cơ quan của khu ủy miền Đông hiện không còn dấu vết gì nữa, chẳng hạn ở ngã ba Bờ Hào, không bao giờ tìm lại được dấu vết gì nữa. Căn cứ cuối cùng của khu ủy giờ đã nằm trong lòng hồ Trị An, căn cứ lâu nhất ở suối Tây Ngũ (Hiếu Liêm) lại bị dân tứ xứ đến đào vàng, không thể vào được! Anh đề nghị Trung ương đồng ý để Đồng Nai tái tạo lại một số di tích của khu ủy miền Đông. Bằng cách nào, khi số tiền không phải là ít? Trước mắt, anh đề nghị thanh niên hãy góp công góp sức. Đó là cách «Về nguồn» đầy đủ ý nghĩa nhất.

Một ngày lặn lội trong rừng chiến khu Đ, dù vất vả, nhưng ai cũng có vẻ mãn nguyện. Từ vị tướng già Sáu Kiến Quốc năm nay đã trên 80 tuổi đến các chàng trai, cô gái may mắn sinh vào năm 1975 đều có niềm thú vị của riêng mình. Người già nhớ lại những ngày gian khổ đã qua với bao bạn bè, đồng chí của mình đã ngã xuống. Có lẽ cuộc «Về nguồn» này là một trong những niềm vui cuối đời không thể nào quên. Còn bạn trẻ? Tôi có nghe một em sinh viên Trường CĐSP Đồng Nai, vừa tròn 20 tuổi nói: Các em không ngờ cha anh của mình đã chiến đấu quá gian khổ, nhiều hy sinh đến thế!, Vâng, bao chiến công oai hùng, hãn bạn trẻ đã được sách vở đúc kết, nhưng có lẽ chỉ đến đây tuổi trẻ mới thấm thía những điều mà sách vở không thể tả hết.

Chúng tôi có một nỗi niềm riêng khi về chiến khu Đ. cũng là tội của việc sách vở, tâm chương. Khi đọc những *truyện đường rừng* phương Nam, câu nói: «*Mã Đà, sơn cước, anh hùng tụ*» đã trở thành quen thuộc. Nhưng ở giữa lòng chiến khu Đ, nghe chính những người trong cuộc nói: *Mã Đà, sơn cước, anh hùng tụ* mới thấy thật ý nghĩa. Rừng có thể ma thiêng nước độc, nhưng vẫn có thể là nơi hội tụ của bao anh hùng chiến sĩ vì nghĩa lớn. Điều sách vở chưa nói ấy đã vốn có từ rất lâu ở đây - chiến khu Đ hùng vĩ.

CẢNH QUAN ĐỒNG NAI

Đỗ Quyên

Cảnh quan Đồng Nai, là cảnh quan đặc thù của vùng trung du tiếp giáp với vùng trũng thấp phù sa ngập mặn cận biển, có độ dốc thoải dần về phía Nam.

Từ độ cao hơn 1.500 mét so với mặt biển Hà Tiên, hai dòng sông nhỏ hiền hòa Dah Nhim và Dah Dung gặp nhau và hòa dòng chảy, cho gặp nhau ấy cũng là nơi phát nguyên của một dòng sông lớn: sông Đồng Nai, thổ dân cao nguyên gọi là Dah Oang. Một món quà vô giá mà tạo hóa đã ưu ái và hào phóng ban tặng cho mọi sinh vật sinh sống ở đôi bờ nơi nó chảy qua.

Hơn 500 khi chiều dài với chín bậc thềm địa chất, dòng nước ngọt ngào tinh khiết triển miên cuộn chảy và liên tục đổi dòng qua các cánh rừng, hẻm núi, thung lũng, đầm lầy, có lúc quay ngược 180 độ như ngập ngừng lưu tuyến để rồi sau đó lại tìm đường trực chỉ phương Nam, nơi biển Thái Bình đang vẫy gọi. Trên đường nó tiếp nhận thêm lượng nước của hàng trăm sông suối mà Dah Wê, Dah Rnga, Dah Rlung và Đồng Môn là phụ lưu chính.

Dòng sông từ biệt cao nguyên Lang Biang bao la ở bậc thềm thứ 9: Hàn Trị An để đổ nước vào những vùng bình nguyên châu thổ bát ngát mênh mông. Như cô sơn nữ từ non cao bầu bạn cùng gió núi mây ngàn vô tư uốn lượn nhảy nhót trườn mình trên các ghềnh đá ngày đêm cười vui tung bọt trắng giờ đã hóa thân thành bà mẹ trầm tư, hiền hòa, sâu lắng hòa nhập với thủy triều dâng hai con nước mỗi ngày xuôi êm ra biển cả.

Trên đường xuôi về biển, dòng sông để lại phía sau không biết bao nhiêu ghềnh, thác, hồ chứa và cù lao. Mỗi thác mỗi vẻ tô điểm cho mọi cảnh quan ở đôi bờ những đồi thông, những cánh rừng nguyên sinh, những đỉnh núi cao và những đồi thấp, cả những buôn làng thấp thoáng giữa hoang sơ, giữa quần thể thực vật và động vật vô cùng phong phú của rừng già nhiệt đới, giữa những cây cổ thụ cao vút và rừng dương xỉ ven đầm lầy sông suối. Cảnh quan liên tục đổi thay và không lặp lại. Không biết có phải vì những cánh đồng, trảng cỏ, bồn trũng thứ sinh thấp thoáng bóng đàn nai gặm cỏ mà dòng sông được mang tên Đồng Nai không ?

Các cù lao trên sông khá nhiều, đó là những viên ngọc bích mà dòng sông đã dày công gọt dũa tô điểm ngàn đời. *Cù lao Mỹ Qưới, Cù lao Thạnh Hội (cù lao Rùa), cù lao Tân Triều, cù lao Phó, đến cù lao Ông Cò* xứng đáng là những thắng cảnh tuyệt vời. Với lớp phù sa trẻ phủ trên lớp phù sa cổ màu mỡ tắm nước quanh năm, đất sống lý tưởng của những ruộng lúa và các vườn cây ăn trái, của cuộc sống bình yên, thanh thản, trên nền xanh ngút ngàn điểm tuyết nhưng mái đình cổ ẩn mình dưới những bóng cây dầu, sao cổ thụ, những mái lá vương khói lam chiều và những con thuyền dập dềnh trên sóng nước.

Cảnh đẹp đặc trưng Đồng Nai còn là những cánh rừng nguyên sinh và rừng trồng mới. Nam Cát Tiên là khu rừng nguyên sinh cuối cùng còn sót lại đang được bảo vệ theo tiêu chuẩn quốc gia. Bên cạnh đó, rừng Sác không hoàn toàn bí ẩn và đáng sợ như buổi đầu mới biết. Hệ sinh thái rừng Sác đã ban tặng cho con người rất nhiều, thứ nhất phải kể đến lượng oxy từ thảm rừng gần như vô tận này thải ra cho bầu khí quyển, kể đến là tiềm

năng lâm sản, thủy hải sản cực kỳ phong phú. Khảo cổ học cho biết con người hiện diện ở rừng Sác khá sớm. Cách nay trên dưới 3000 năm, thời đại đồng. Dấu vết những nhà sàn, con thuyền độc mộc, công cụ sản xuất sinh hoạt, vũ khí, đồ trang sức... bằng gỗ, đá, đất nung, đồng ... được tìm thấy trên vài chục địa điểm ở hầu hết những cửa sông, rạch, các cù lao có nguồn nước ngọt như Cái Vạng, Cái Lăng, Rách Lá, Vàm Mặt Trăng, Mặt Trời...

Rừng trồng ở Đồng Nai trước hết phải nói đến cao su. Từ những cây cao su thí nghiệm do người Pháp trồng thử từ đầu thế kỷ đến nay đã được nhân lên ngàn vạn lần. Ngoài lợi ích kinh tế rừng cao su còn có tác dụng phủ xanh mặt đất chống phong hóa xói mòn và tạo nên cảnh quan tuyệt đẹp. Nhìn những cánh rừng cao su qua những cánh bay hoặc ngồi trên xe chạy tốc độ vừa phải qua các hàng cây xanh um thẳm hàng đến nghiêm túc thấy lòng yên ổn thanh thản lạ thường.

Theo quốc lộ 20 TP. Hồ Chí Minh - Đà Lạt, ta bắt gặp một thị trấn nho nhỏ nằm nép dưới chân những gộp đá granit khổng lồ chồng chất lên nhau, hai chồng, rồi ba chồng. Tường chông chênh nhưng thật sự nó đã tồn tại như thế bền vững từ hơn 100 triệu năm, mưa gió đã bào mòn để tạo hình, thành những tượng đài kỳ vĩ, dòng sông La Ngà lượn qua đây trước khi hòa vào sông Đồng Nai và hồ Trị An.

Đứng trên đá chông mở tầm nhìn nhìn về tứ phía ta không thể không sững sờ về hình sông thế núi mỹ lệ, hùng vĩ. Từ những miệng núi lửa cổ xưa hiền hòa nghiêng nghiêng cái miệng hình elip in hình dòng dung nham cổ giờ đã trở thành những ốc đảo xanh tươi các vườn cây ăn quả, một cây cầu mảnh dẻ vắt qua sông, những con đường lượn vòng theo bình độ mát hút sau hẻm núi rồi lại hiện ra, những buôn làng Mạ lúp xúp dưới thung lũng và xa xa hồ thủy điện Trị An lấp lánh ánh tà dương...

Đồng Nai - Biên Hòa bước vào tuổi 300, vào thế kỷ XXI, vào thiên niên kỷ thứ III với nhịp độ hối hả, khẩn trương nhưng chắc chắn không vì thế mà làm xúc phạm hoặc phá hủy cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hài hòa mà tạo hóa đã ban tặng từ ngàn xưa.

ĐỒNG NAI SỐ 1725 NGÀY 20/4/1998

NGÔI TRƯỜNG CHUYÊN LÀM ĐẸP CHO ĐỜI

Bút ký của LÂM YÊN

Quân Pháp hạ thành Biên Hòa tháng 12/1861, khoảng hơn mười năm sau họ bắt đầu tổ chức giáo dục kiểu phương Tây ở đây. Trường nam tiểu học Biên Hòa (nay là trường Nguyễn Du) giữ ngôi vị trường lão vì được lập sớm nhất, trước năm 1876. Lúc đầu trường không dạy văn chương, luân lý; chương trình hồi đó chỉ chú trọng dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ, ngoài ra thêm bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia đơn giản. *«Thực tế bọn thực dân có muốn giáo dục gì đâu? Bọn chúng chỉ muốn đào tạo thông ngôn mà thôi, hơn thế nữa chúng còn muốn cuồng vọng đi tới chỗ làm cho dân Việt chỉ nói tiếng Pháp»*, (Trần Văn Giàu: Lịch sử cận đại Việt Nam, tr 202, T.1, Nxb GD, 1961). Viên quan cai trị kiêm học giả người Pháp Cultru cũng nhận định: *«Lấy sự dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ làm cơ sở cho giáo dục là thủ tiêu giáo dục... là đào tạo người vô học»*. (Trần Văn Giàu: sđd). Nhà cầm quyền thuộc địa Nam Kỳ thật không ngờ từ ngôi trường nam tiểu học nhỏ bé này đã xuất hiện nhiều chiến sĩ cách mạng, nhiều chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân có tài sau này tích cực góp phần phá tan cùm gông nô lệ, tiêu diệt chế độ thực dân thống trị ngót trăm năm; xuất hiện một số nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, nhà khoa học - những ngôi sao mai vùng đất Đồng Nai *«đá lửa»*. Ngôi trường này làm đẹp cho đời vì góp phần nhỏ bé tô thắm truyền thống mở nước và giữ nước của dân tộc ta *«rũ bùn đứng dậy sáng lòa»*.

Trường Cao đẳng mỹ thuật trang trí Đồng Nai là ngôi trường đàn em, năm nay vừa 95 tuổi, được kể là có bề dày lịch sử. Nếu đó là ngôi chùa, chắc chắn sẽ được gắn thêm hai chữ *cổ* từ giúp tăng sư thăm thẳm uy nghiêm. Gần một thế kỷ qua, trường đã *làm đẹp cho đời* - theo đúng nghĩa đen – bằng vô số sản phẩm gồm mỹ thuật và đồng rải rác khắp các châu lục. Đến nay Biên Hòa nổi tiếng ăn khách, dù kinh tế thế giới đang hồi suy thoái, song các container voi, bình, chậu và nhiều món khác vẫn đều xuống tàu biển đến với bạn hàng phương xa...

Năm 1903, theo sáng kiến của họa sĩ André Joyeux, *viên chánh tham biện* Chesne - chủ tịch Biên Hòa - cho mở trường Bá nghệ (école professionnelle de Biên Hòa: vẽ, đúc đồng, rèn, mộc, đan lát, gia chánh gồm...). Mục tiêu của người Pháp nhằm đào tạo thợ có tay nghề nhất định, đáp ứng nhu cầu của số colons làm ăn sinh sống tại đây và số quan chức, chủ điền nhà giàu bản xứ. Chinh phục được đất này, người Pháp sớm nhận ra bàn tay khéo léo của các thợ thủ công địa phương từng sáng tạo nhiều sản phẩm đặc sắc về kiến trúc, trang trí, đồ dùng gia đình có phong vị hoàn toàn lạ lẫm với người Âu.

Lần đầu tiên, một trường dạy nghề chính quy, hiện đại ra đời chưa được thanh thiếu niên và nhân dân Biên Hòa hồi đầu thế kỷ 20 này chấp nhận ngay. *Tòa bố phải sức giấy* về các làng quanh tỉnh ly mộ khoảng hai, ba chục học trò, dụ dỗ số này bằng cách cấp *«bước»* (bourse: học bổng), 3 đồng rưỡi mỗi tháng (bằng khoảng hơn 1 tạ rưỡi gạo lúc đó, 1 ly cà phê đen 2 xu, 1 tô hủ tíu 3 xu...). Dân Biên Hòa không mấy người thích cho con em theo học trường Pháp mở, dư luận *«học xong chúng sẽ bị đưa qua Pháp»* dấy lên vài chục năm

trước chưa đập tắt hẳn. Một số gia đình khá giả đã *thuê* thiếu niên con nhà nghèo *học thê*. Sáng sáng vài chú lính mã tà và canh tuần của làng phải *áp tải* lớp học trò Bá nghệ đầu tiên đến trường, người bây giờ khó hình dung ra *chuyện thật như đùa* ấy.

Viên hiệu trưởng đầu tiên của trường là kỹ sư J. Lamorte. Ông ta am tường về cơ khí nhưng không hiểu nhiều về mỹ thuật. Trường phải mời giáo sư mỹ thuật Pháp từ Hà Nội vào dạy lý thuyết hội họa, điêu khắc phương Tây, những quá khứ mới mẻ vào thuở ấy. Thầy giảng bài bằng tiếng Pháp, thông ngôn dịch sang tiếng ta. Trình độ ngoại ngữ của thông ngôn nói chung xoàng xoàng, *dịch câu được câu chẳng*, do đó đám học trò - mới chỉ biết chữ quốc ngữ là chính - tiếp thu chẳng được bao nhiêu. Để dạy thực hành, trường mời một số thợ có tiếng trong tỉnh. Xưa kia, việc dạy nghề, học nghề chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình hoặc phường thợ theo kiểu *người đi trước rước người đi sau*. Người học việc trước hết phải *hầu hạ điều đóm*, chịu cảnh sai vặt của thợ chính, phở cả, mặt khác phải chú ý quan sát các thao tác của thầy rồi làm theo y chang. Nếu thính tai tinh mắt cậu ta nhanh chóng *ăn cắp nghề* qua việc *học lóm*, nhanh chóng thạo việc, được khen là giỏi. Những lớp học trò Bá nghệ đầu tiên không thoát cảnh huống này, chỉ không phải hầu hạ điều đóm, cho nên khóa học kéo dài tới sáu năm mới lĩnh bằng tốt nghiệp.

Ngày khóa học đầu tiên (1903 - 1909) đã có một sự kiện làm người Pháp sững sốt. Một bữa, chánh tham biện Chesne tạt qua thăm trường - ở cùng khuôn viên tòa bố - đúng giờ học điêu khắc, nặn tượng, ông ta ra đề bài: thầy nặn tượng trò, trò nặn tượng thầy, hạn một tuần phải xong. Bảy hôm sau, ông ta tới, ngắm nghía kỹ lưỡng dãy tượng đất lớn nhỏ bày trên bàn, chấm điểm cao nhất cho anh Nguyễn Văn Quới ở chợ Đồn (làng Bình Long, nay là phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa). Lập tức anh được hưởng học bổng gấp đôi (7 đồng, hơn 3 tạ gạo) trước sự ngỡ ngàng của thầy và các bạn. (*sao ngày nay nhà nước ta không khuyến khích tài năng trẻ theo kiểu này nhỉ?*). Thông minh khéo léo giỏi ăn cắp nghề, dù mới đang học năm thứ năm, ngày 1-1-1908 anh Quới được đề bạt làm *đốc công* (contre - maitre) phụ trách xưởng trường - một chức danh mà bây giờ người thợ có tay nghề nhiều năm may ra mới đạt được. Lĩnh bằng tốt nghiệp năm 1909, anh được bổ nhiệm dạy các lớp đàn em. Tuy còn rất trẻ, anh đã được mọi người gọi là ông *quản Quới, thầy Nhứt* và chỉ đứng sau hiệu trưởng người Pháp. Anh là giáo viên dạy nghề đầu tiên của Biên Hòa - Đồng Nai được đào tạo bài bản chính quy. Thấy Nhứt được nhiều quan chức, tổng lý, chủ điền, nhà giàu... gần xa mời vẽ chân dung, dân gọi là vẽ truyền thần - ăn công mỗi tấm 15 đồng; có tháng thầy vẽ vài ba tấm sống dư dả bằng nghề, có tiền xây ngôi nhà to nhất làng Bình Long hồi đó, đúng với câu tục ngữ (nhất nghệ tinh, nhất thân vinh). Tiếng lành đồn xa, các con của nhà học giả Trương Vĩnh Ký từ Sài Gòn mang bức chân dung của ông về, nhờ thầy đúc pho tượng bán thân của người quá cố. Ít lâu sau, pho tượng đồng bán thân hoàn thành, họ công nhận tác phẩm sống động, có hồn. Viên toàn quyền Đông Dương có pho tượng hợp kim bị gãy tay. Nhiều nghệ nhân được mời song thầy đều từ chối vì rất khó chữa. Thầy Nhứt sau khi xem xét kỹ đã nhận lời. Chỉ một vài hôm, cánh tay được hàn gắn, làm tiếp màu, khó nhận ra vết gãy cũ...

Khoảng năm 1916, họa sĩ A.Joyeux kế nhiệm kỹ sư J.Lamorte, giỏi mỹ thuật, hướng nhà trường đi vào quỹ đạo sáng tạo cái Đẹp thuần khiết chứ không đào tạo *thợ tạp pín lù làng nhàng*, ông bỏ các ban thợ mộc, rèn, đan lát, gia chánh... Chỉ giữ lại ban đúc đồng và ban gốm nhằm làm ra những sản phẩm đích thực. Trường Bá nghệ Biên Hòa (école d'art de Biên Hòa). Nhà họa sĩ dành nhiều thời gian sáng tác mẫu mã trang trí tân kỳ, song thành tựu khá hạn chế do phong vị Âu - Á chưa dung hòa nhuần nhuyễn.

Bốn năm sau, giáo sư hội hoa Serre - rất nổi tiếng ở Châu Âu - cho áp dụng men Pháp vào sản phẩm gốm của trường. Cuộc hôn nhân giữa màu sắc men Pháp tươi sáng rực rỡ không môn đẳng hộ đối với đồ gốm sành bản địa kiểu dáng hơi thô kệch quê mùa do thầy trò trường Mỹ nghệ Biên Hòa tạo tác. Ta có thể ví với một thiếu nữ nông thôn Việt hồi đầu thế kỷ 20 để tóc đuôi gà, răng đeo hạt na (mãng cầu) mặc áo tứ thân nâu, song nơi thắt lưng bao hoa lý lai cài chiếc điện thoại di động, đom đóm đeo mắt kính Ray - Bàn mắt xanh mỏ đỏ, đi giày khủng bố, miệng nhóp nhép nhai kẹo chewing gam, ngất ngầu cỡi chiếc Hon da Dream lượn đi lượn lại vài đường lá lướt, nhảy Lambada như điên với cầu thủ Ronaldo chẳng hạn...

Năm 1923, trường Mỹ nghệ Biên Hòa đón nhận vị hiệu trưởng mới Robert Balick - tốt nghiệp trường Mỹ thuật trang trí Paris - và bà Mariette Balick - tốt nghiệp trường gốm Limoges. Kể từ đây trường có khúc ngoặt đột biến tạo sắc thái riêng biệt cho gốm mỹ nghệ Biên Hòa. Không có thái độ tự thị cao ngạo của một số thực dân da trắng tự khoác sứ mệnh khai hóa văn minh cho dân thuộc địa trình độ thấp kém bán khai, sau khi nghiên cứu các sản phẩm gốm cổ truyền, hai nhà giáo này hướng vào đột phá hai mục tiêu: màu đen và kiểu dáng mẫu mã bản địa. Ông bà nhiều lần họp với các thầy, trao đổi ý kiến xoay vào đề tài trên. Song do ngôn ngữ bất đồng, lúc ấy các thầy Việt biết tiếng Pháp rất hạn chế - thời đó ít thầy có bằng tiểu học (certificat), chủ yếu mới học hết lớp 3, trường làng (cour élémentaire) - thông ngôn được học tiếng Pháp nhiều hơn chút đỉnh thì trình độ nói và nghe cũng chẳng nhìn hơn là bao - nhất là về các thuật ngữ chuyên môn - nên hai bên hiểu nhau không nhiều. Bà Balick khổ công mày mò tìm hiểu, chú ý quan sát việc pha chế men bằng nguyên vật liệu bản xứ, ghi chép tỉ mỉ nhiều tháng liền mong tìm được công thức chính xác. Thầy Nguyễn Văn Nhân là trợ thủ đắc lực giúp bà M. Balick nắm bắt sắc màu men gốm phương Đông trang nhã, sâu lắng để có những cải tiến quan trọng thành công sau này (Thầy và ông Ba Cử được nhiều thế hệ nghệ nhân và học trò khoa gốm coi như các ánh hào quang rạng rỡ ban đầu). Nguyên liệu đất sét trắng Lái Thiêu - do các lò gốm Tàu bán lại cho trường - có chất lượng không đều, tốn nhiều công lọc sạn. Các thầy cho biết đất Kaolin ở Đất Cuốc (Tân Uyên) rất tốt, tỷ lệ tinh đất rất cao, đem lã lọc chỉ hao hớt 10%, khi nung sản phẩm ít co ngót hơn đất Lái Thiêu. Bà Balick nhờ quận trưởng Tân Uyên giúp đỡ khai thác đất kaolin Đất Cuốc, từ đó nhà trường không thiếu nguyên liệu làm sản phẩm gốm nữa. Thí nghiệm đạt kết quả tương đối khả quan nhưng bà Balick chưa hài lòng vì mọi điều chưa diễn ra đúng như dự định. Men và đất sét trắng đã có công thức chính xác qua hàng trăm thí nghiệm nhưng cách thức nung lò của thầy và thợ gốm Biên Hòa còn chưa có căn cứ khoa học, họ học lóm kinh nghiệm của thợ Tàu, nhìn khói lò mà đoán định sản phẩm được nung đã chín hay còn sống. Mỗi người có một cảm quan riêng chẳng ai giống ai, mà đã là đoán thì có khi trúng khi trật, ai dám bảo đảm trúng phóc 100%, thế có họa là thánh ! Bà Balick lần này cầu viện đến dụng cụ đo đạc chính xác, bà nhờ trường gốm Limoges mua dùm một số đồng hồ lửa. Sau khi tiếp nhận số bửu bối này, bà cho đặt vào các mắt lò nung. Thợ coi lò khi thấy chót cây nhang quắp xuống, biết là lò đã nóng 1280 độ C thì ngưng cho thêm củi, lấp kín các mắt lò để duy trì độ nhiệt, sau đó lò nguội từ từ. Sản phẩm gốm ra lò da men láng đều, màu sắc đẹp. Từ đó sự kết hợp hiện đại - cổ truyền Đông - Tây, kinh nghiệm lâu đời - khoa học chính xác, thầy thợ đã thu kết quả tốt đẹp. Ông bà Balick bắt đầu nghĩ đến việc bán các sản phẩm do trường làm ra.

Song nhà trường chỉ là nơi dạy nghề, các món đồ gốm chỉ sáng tác đơn chiếc làm sao có thể đáp ứng nhu cầu không nhỏ của xã hội? Ông bà Balick đã nhập cảng mô hình tổ

chức của thợ thủ công phương Tây, lập ra hợp tác xã thợ công thợ đúc và thợ gốm (société coopérative artisanale des fondeurs et potiers), một cái tên có mùi vị xã hội chủ nghĩa xa lạ với người đương thời, còn bà con thường gọi là hợp tác xã mỹ nghệ Biên Hòa (*nhân đây nhắc lại một chuyện cũ: vào một dịp tết sau ngày giải phóng vài năm, tỉnh ta mở cuộc triển lãm mừng xuân, trường Mỹ thuật trang trí có một gian trưng bày nhiều đồ gốm do trường làm ra với bản phụ chú «HTX mỹ nghệ Biên Hòa làm khoảng năm 1925» Nhiều khách tham quan bình luận: Máy chày xạo, thời Pháp thuộc mà nói chuyện xã hội chủ nghĩa*). Vốn của hợp tác xã khoảng sáu, bảy ngàn đồng rất lớn vào hồi đó - do ông bà Balick vay của tòa bố Biên Hòa. Hợp tác xã giải quyết đầu ra, nhận một số học sinh tốt nghiệp vào làm (ai muốn đi làm ở các lò bên ngoài, chẳng sao!) với số lương đủ sống - có thể lĩnh lương tháng hoặc làm khoán - nên số lượng thợ ít nhất lên tới dăm bảy chục. Hợp tác xã cũng thu hút một ít thì giỏi làm nòng cốt trong sản xuất với mức lương cao hơn hẳn. Năm 1931, anh em nghệ nhân Bảy Vạn trước làm cho các lò lu người Tàu ở Tân Vạn giỏi về xoay lu khạp và đốt lò được mời về đây ăn công 33 đồng một tháng trong khi các thợ khác lĩnh 17 đồng, cao là 20 đồng. Học trò các lớp dưới (năm thứ nhất, năm thứ hai) có dịp trực tiếp học hỏi các thợ giỏi và các đàn anh đã ra trường, học trò các lớp cuối (năm thứ ba, năm thứ tư) nếu có sáng tác đẹp bắt mắt thì được hưởng 30% giá bán.

Hợp tác xã mỹ nghệ là một bộ phận của trường Mỹ nghệ Biên Hòa do vị đại diện (délégué) trực tiếp điều hành. Nhóm thợ đúc đồng chuyên làm các lu hương, tượng Phật nhỏ, tượng các nữ thần, dao rọc giấy, cái chặn giấy, các cúp thể thao kiểu thức trang trí theo kiểu Trung Hoa, các dàn đèn điện treo trần nhà, nghiên mực, đèn dầu lửa cỡ lớn... Qua tác động của lửa của nước, của a-xít phối hợp đúng tiêu lượng, món đồ đồng có bộ áo khoác ten đồng rất đẹp, vẻ cổ kính như được làm ra từ hàng trăm, hàng ngàn năm trước. Nhưng đồ đồng nói chung đắt tiền, người mua không nhiều nên người đúc tượng đôi nhàn nhã và dĩ nhiên lương thấp hơn thứ gốm. Nhiều thợ đúc biết điều khắc *xé rào* qua làm gốm để có thu nhập cao hơn.

Làm cho hợp tác xã mỹ nghệ Biên Hòa nổi tiếng là các sản phẩm gốm. Được đào tạo theo chương trình vị nghệ thuật và vị nhân sinh, ông Balick hiểu rất rõ vấn đề chất lượng là hàng đầu của mặt hàng này. Ông chăm chút hợp tác xã như chăm chút con cưng, ngoài chỉ đạo giáo dục học sinh theo nghề thủ công đặc biệt này, ông gánh vác thêm việc tìm thị trường bán tất cả các sản phẩm do trường và hợp tác xã làm ra. Ông cùng các đại diện HTX theo dõi sát sao các thứ và học trò làm việc ở từng công đoạn. Vài nghệ nhân già nay ở lứa tuổi 80 trở lên cho biết các chậu và bình nắn xong đều được ông kiểm tra bằng bàn xoay, nếu không tròn vo sẽ bị nhát búa loại bỏ ngay; sản phẩm ra lò nếu men không láng đều hoặc có vết xước, vết nứt cũng bị loại bỏ không thương tiếc. Các món đồ làm ra phải hoàn hảo, được bán giá cao; một lò có khi bị loại bỏ tới 40% sản phẩm khuyết tật mà HTX vẫn có lãi như thường. (ngày nay thì các món đồ méo mó, nứt sọc được tu sửa, sơn phết o bế chút đỉnh, bán giá rẻ vẫn chạy!).

Phòng trưng bày của trường thu hút mạnh mẽ khách nước ngoài - chủ yếu là người Pháp - đến xem hàng mẫu, ai cũng công nhận các sản phẩm mỹ nghệ bằng gốm và đồng rất lạ mắt, càng ngắm lâu càng thích thú. Gốm Biên Hòa được giới sành chơi ưa chuộng vì sắc thái men giản dị, trầm tĩnh, kín đáo, hài hòa kim cổ, thuần túy phương Đông. Đặt một sản phẩm gốm Biên Hòa vào bất kỳ căn phòng nào, tòa nhà nào, ở vị trí nào nó đều toát vẻ đẹp rất riêng, đúng là:

Trúc xinh trúc mọc đầu đình

Em xinh em đứng một mình cũng xinh

Trúc xinh trúc mọc bờ ao

Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.

Gốm Biên Hòa được người ta thích thú vì sản phẩm làm bằng tay ở các khâu tô màu men, lóng; các bình và chậu hoa lớn nhỏ đều xoay tay.... Ngày nay ai có đến thăm cơ sở gốm của nghệ nhân Hai Trâm ở xã Hóa An, có thể thấy nhiều đồ gốm chờ đóng thùng xuất khẩu đều dán nhãn nhỏ in ba thứ tiếng Pháp, Anh, Tây Ban Nha «*Bảo đảm sản phẩm này làm bằng tay, xin chú rót nước vào*».

Sản phẩm gốm Biên Hòa được mang đi đấu xảo ở một số triển lãm quốc tế: Paris các năm 1925 và 1933, Batavia (Indonesia) năm 1934, Nayoga (Nhật) năm 1937, Saint Denis (đảo Réunion) năm 1938, Hà Nội năm 1939, Bangkok (Thái Lan) năm 1955, Phnompenh (Campuchia) năm 1955 và 1956, Manila (Philippines) năm 1956, New York (Mỹ) năm 1958 ... và được tặng nhiều bằng khen danh dự, huy chương. Trong cuộc triển lãm gốm sứ ở Paris năm 1933, ông Balick cử hai thầy - nghệ nhân (trong đó có thầy Võ Kim Đồi, sau này làm hiệu trưởng từ 1945 - 1947) mang theo dụng cụ nghề gốm và đất sét sang biểu diễn làm sản phẩm sống. Khách tham quan, các nghệ nhân gốm sứ phương Tây tận mắt chứng kiến các thao tác khéo léo của nghệ nhân Biên Hòa. Khách hàng chen nhau mua đồ gốm khiến ban tổ chức phải can thiệp kéo gian trưng bày có nguy cơ sạch bách, họ sẽ nhận hàng sau ngày bế mạc.

Học trò trường Mỹ nghệ Biên Hòa cũng như thợ HTX yêu quý ông bà Balick dù ông bà là người da trắng thuộc giới thực dân thống trị. Đó là vì ông bà cũng yêu quý học trò và thợ Việt Nam và có những ưu ái đối với một số trường hợp đặc biệt. Anh Nguyễn Văn Hai (Hai Bồi, Hai Xoay) vào trường năm 1931, mới học có hai năm - đáng lẽ phải bốn năm - vì khéo tay và học giỏi đã được ông Balick cấp bằng tốt nghiệp hạng ưu, được gửi đi tu nghiệp thêm về xoay lu, khạp - ở lò lu Trần Lâm (xã Hóa An). (*Các trường của ta hình như chưa bao giờ cho học sinh tốt nghiệp đặc cách thế này, có lẽ cần học kinh nghiệm này chăng?*). Bây giờ ở tuổi 84, thầy Hai vẫn là nghệ nhân có bàn tay vàng số một ở Biên Hòa xoay được các bình cao từ 1,5 mét đến 2,4 mét, lương tháng dư sống (*ông Đỗ Nam - nghệ nhân gốm sống ở Úc - cho biết: ông chỉ mới nắn bình cao 0.4 mét mà có cơ sở bên đó sẵn sàng mời hợp tác với lương vài ngàn đô Úc mỗi tháng song ông không nhận lời. Nếu cụ Hai sang đó biểu diễn hẳn nhiên họ lác mắt!*).

Anh Lê Văn Mậu, quê Vĩnh Long do ngẫu nhiên lọt vào mắt xanh của ông Balick, anh được nhận vào học kiêu nghiệp dư một ít lâu sau đó được ông xin Thống đốc Nam kỳ cấp cho học bổng 18 đồng mỗi tháng (bằng lương thợ HTX, đủ sống) và tự ông làm hồ sơ giới thiệu anh đi học trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội cuối năm 1937. Thụ giáo nhà điêu khắc nổi tiếng Jonchère, anh Sáu Mậu có những sáng tác được thầy khen, báo chí ca ngợi - «... Tác phẩm *Đám cưới cho thấy đây là một tìm tòi sáng tạo một trong cách thể hiện tác phẩm của Lê Văn Mậu. Điều này dự báo đây là một nghệ sĩ đầy tài năng*». (Báo La Volonté in do chinoise viết về triển lãm mỹ thuật mùa hè 1940 ở Hà Nội). Lời dự báo ấy hoàn toàn chính xác, từ năm 1944 anh trở thành thầy dạy hội họa và điêu khắc tại trường Mỹ nghệ Biên Hòa. Suốt 40 năm đứng trên bục giảng, thầy Lê Văn Mậu góp phần đào tạo cho vùng đất Biên Hòa Đồng Nai gần ngàn nghệ nhân, vài ba chục thầy giáo các lứa về

sau, ngoài ra đã sáng tác hàng trăm tượng, phù điêu.... Thầy là một trong vài ba nhà điêu khắc lớn nổi tiếng toàn miền Nam trước ngày giải phóng, là bàn tay vàng bậc thầy nhận nhiều giải thưởng cao trong các kỳ triển lãm ở Sài Gòn và Biên Hòa, có tên trong *Từ điển danh nhân* dù đang còn sống.

Trường Mỹ nghệ Biên Hòa còn sản sinh một nghệ nhân sau trở thành thầy giáo của trường: Ba Thọ (Huỳnh Văn Thọ). Đầu những năm 1930, thầy được mời qua Singapore trang trí giả đá cho một ngân hàng lớn ở bên đó. Năm 1936, thầy lãnh phần gốm trang trí trụ ranh giới Việt Nam - Lào - Cambốt trụ ba biên giới (Les trois frontières) với đường nét, màu men, kiểu dáng phù hợp với mỹ thuật của ba nước. Thầy được mời sang khu Angkor Thom - Angkor Watt (Đế Thiên - Đế Thích) để phục chế một số tượng đá bị hư hại, đổ nát - trong đó có tượng bốn mặt in trên giấy bạc Đông Dương hồi đó. Thầy từng trang hoàng cho dinh Norodom ở Sài Gòn, dinh toàn quyền ở Hà Nội, đó cũng là bàn tay vàng (ít được biết đến hơn song các tác phẩm của thầy không phải ít). Các sự kiện này diễn ra dưới thời ông Balick làm hiệu trưởng.

Trường mỹ nghệ Biên Hòa - từng nhiều năm đổi tên, nay thành trường *Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai* - góp phần làm đẹp cuộc đời bằng vô số tượng Phật, tượng Chúa, tượng Đức Mẹ, tượng danh nhân (Nguyễn Trung Trực, Phan Thanh Giản, Napoléon, Bonaparte...), nhiều phù điêu, các trang trí bên ngoài dinh thự, công sở, vườn hoa... ở nhiều nơi trong tỉnh, ngoài tỉnh, ở nước ngoài - từ Á sang Âu, Mỹ, Úc. Không ai có thể thống kê hết các sản phẩm gốm Biên Hòa từ lâu nổi tiếng trên thế giới, cho dù bây giờ gốm Bình Dương và nhiều nơi khác tăng trưởng với tốc độ cao, cạnh tranh hết sức quyết liệt với cái nôi của gốm mỹ thuật Nam bộ. Nhân dân ta có đạo lý truyền thống rất đẹp: «ăn quả nhớ kẻ trồng cây», «Uống nước nhớ nguồn». Trong cuộc hành trình tìm về cội nguồn nghề gốm mỹ nghệ Biên Hòa, các thế hệ nghệ nhân và thợ làm gốm ở lứa tuổi sáu, bảy mươi trở lên đều nhắc đến ông bà Balick với vẻ kính mến biết ơn sâu sắc. Ông bà tuy thuộc dòng dõi *chú gà trống Gaulois*, trong gần ba mươi năm gắn bó với trường đã có công lớn giúp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đối với nghề gốm mỹ nghệ Biên Hòa từ cách nay ba phần tư thế kỷ cho các lớp con cháu giống Tiên Rồng. Gốm Biên Hòa lan tỏa thành gốm Bình Dương, gốm Thành phố Hồ Chí Minh, gốm Long Hồ (Vĩnh Long), tới tận nơi đồng chua nước mặn có tên ít người biết: Xà Tôn (An Giang). Gốm mỹ nghệ Biên Hòa - và thuộc trường phái Biên Hòa - không chỉ là của các gia đình khá giả, ngày nay chúng có mặt khắp miền Nam, miền Trung, miền Bắc và cả thế giới bao la, hiện diện dưới vô số mái tranh và túp lều lợp lá dừa nước. Dựng tượng ông bà Balick ở khuôn viên trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai, hàng năm nhang khói cho ông bà và các thầy, các nghệ nhân của hợp tác xã mỹ nghệ Biên Hòa cũng là nét đẹp truyền thống tôn sư trọng đạo của dân Biên Hòa - Đồng Nai..

Gần một thế kỷ tồn tại, trường Cao đẳng mỹ nghệ trang trí Đồng Nai liên tục chuyên làm đẹp cho đời, từ xưa, hôm nay đến mai sau.

«Việt Cộng» Gặp lại «Cựu Thù » trên đất Úc

MAI SÔNG BÉ

Từ ngày 28-8 đến 11-9-1990, theo lời mời của ông Bob Maule, chủ tịch hội Cựu chiến binh KURANDA (AUSTRALIA), đoàn cựu chiến binh Đồng Nai do ông Nguyễn Thanh Hồng, nguyên đại tá và ông Lê Thành Ba, nguyên chính trị viên tiểu đoàn 445 - là những người trực tiếp đối mặt với quân đội hoàng gia Úc tại mặt trận Phước Tuy, đã đi thăm AUSTRALIA. Đây là cuộc gặp gỡ, đối thoại hữu nghị tiếp theo cuộc đối thoại sau 21 năm giữa tiến sĩ Tay Bulltal - một cựu sỹ quan Úc với đại tá Nguyễn Thanh Hồng hồi năm 1985 từ Đồng Nai mà báo ĐN đã có dịp phản ánh. Sau đây là một số ghi nhận qua chuyến thăm hữu nghị của các cựu chiến binh Đồng Nai trên đất AUSTRALIA «VIỆT CỘNG» - ANH LÀ AI ?

Trước đây, bằng bộ máy tuyên truyền khổng lồ của người Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã làm cho nhiều người ở miền Nam Việt Nam và người nước ngoài lầm tưởng rằng Việt cộng là những kẻ ăn thịt người, dễ dàng rút móng tay, tẩm máu đối phương (!?). Sau này, qua làn sóng người di tản, thuyền nhân ào ạt ra nước ngoài càng làm cho người nước ngoài bình thường thiếu thông tin chính xác về Việt Nam có những suy nghĩ không đúng về những chiến sỹ «Việt cộng». Nhưng giờ đây, mặc dù thông tin đối ngoại của chúng ta còn nhiều hạn chế, nhưng nhiều người Úc, nhất là các cựu chiến binh và gia đình họ đều gọi các chiến binh Đồng Nai bằng từ «việt cộng» với những sắc thái biểu cảm tốt đẹp. Theo suy nghĩ của họ: việt cộng đồng nghĩa với những người Việt Nam yêu nước đã làm nên cuộc tranh giành độc lập dân tộc dài nhất và ác liệt nhất trong thế kỷ 20. Do đó, các báo, đài phát thanh ở Cairns và đài truyền hình Queensland đã liên tục đưa tin các hoạt động của đoàn cựu binh Đồng Nai bằng từ «việt cộng» với những ý nghĩa quý trọng. Tại các cơ sở kinh tế, văn hóa, quốc phòng mà đoàn đến thăm cũng như qua các cuộc tiếp xúc với các cựu binh, các nhà sử học, nhà báo, nhà nghiên cứu về Việt Nam như ông Terry Burstall, giáo sư tiến sĩ Barry Wright, đại tá Barry Petererson, đại tá lanmcniel thuộc bộ phận viết sử quân sự chính thống của chính phủ Úc... đều bày tỏ thái độ kính trọng đối với những chiến sỹ «Việt cộng» đã từng giáp mặt với quân đội Hoàng gia Úc tại mặt trận Phước Tuy năm xưa. Họ nhắc đến trận Long Tân - một trận đánh lớn nhất giữa chiến sỹ Việt cộng với quân đội Úc diễn ra hồi năm 1966 như là một biểu hiện về trí thông minh, lòng quả cảm của những chiến sỹ «Việt cộng» (người Úc lấy ngày 18-8-1966, ngày diễn ra trận Long Tân là ngày cựu chiến binh Úc). Trong những ngày các cựu binh Đồng Nai ở Úc, nhiều cựu binh Úc đã từng tham chiến tại Việt Nam đã tìm đến thăm với những tình cảm trân trọng, có cả gia đình của những người Úc có con em chết trận ở Việt Nam cũng đến thăm. Họ bày tỏ nỗi đau buồn và ân hận về những gì mà bản thân họ và con em họ đã gây ra cho nhân dân vùng Phước Tuy trước đây. Khi đài truyền hình, đài phát thanh, báo chí đưa tiền viết bài giới thiệu phỏng vấn các cựu chiến binh Đồng Nai thì nhiều người dân Úc đã tìm đến nơi ở của đoàn để thăm hỏi và tìm hiểu về Việt Nam, về Phước Tuy sau chiến tranh; nhiều người cố mời cho được đoàn về nhà và dự chiêu đãi gia đình với họ. Trong buổi chiêu đãi của đoàn nhân dịp Quốc khánh 2-9, nhiều người Úc đã tự động làm

cờ Việt Nam mang đến trang trí; nhiều người không được mời cũng xin tới dự: trong buổi chiêu đãi đó, nhiều người Úc đã lên diễn đàn ca ngợi Bác Hồ, ca ngợi Việt Nam, ca ngợi các chiến sỹ Việt cộng yêu nước.

Chính vì thế có điều lý thú đối với đoàn là trong những ngày đoàn ở tại nhà ông Chủ tịch Hội cựu chiến binh KURANDA thì đứa con gái của ông Chủ tịch lúc đầu còn tỏ ra ngần ngại đối với «Việt cộng», nhưng sau đó mấy ngày cháu đã đề nghị mấy ông «Việt cộng» hôn cháu trước lúc đi ngủ để cháu có nhiều mộng đẹp.

«Việt cộng» trong con mắt người Úc là như thế đây !

TỪ ĐỐI ĐẦU ĐẾN ĐỐI THOẠI VÀ HỢP TÁC, HÒA BÌNH HỮU NGHỊ

Từ các cuộc tiếp xúc, các nơi mà đoàn cựu chiến binh Đồng Nai đến thăm thì từ các cựu binh, các nhà quân sự, nhà báo đến những người dân Úc bình thường đều đặt một câu hỏi tương đối giống nhau: Người Việt Nam có căm thù người Úc khi họ can thiệp vào Việt Nam không ? Những câu hỏi tương tự được lặp lại nhiều lần, phần nào đã phản ánh nỗi trăn trở nhức nhối của nhân dân Úc về thời gian quân đội Úc dính líu vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Trước những câu hỏi như vậy, các cựu chiến binh Đồng Nai với tư cách là những người đã từng giáp mặt với quân đội Úc ở chiến trường Phước Tuy 26 năm về trước đã thành thật trả lời: Lúc ấy, chúng tôi rất căm thù và phát động nhân dân căm thù. Nhưng nhân dân Việt Nam rất hiểu việc đưa quân đội Úc sang Việt Nam không phải là ý muốn của nhân dân Úc, kể cả một số chính khách và quân đội Úc lúc bấy giờ cũng không đồng tình... Giờ đây, lịch sử đã sang một trang mới, nhân dân Việt Nam trong đó có nhân dân Đồng Nai, Phước Tuy đều mong muốn các bạn Úc nói chuyện hòa bình hữu nghị, hợp tác kinh tế với Việt Nam. Nếu có thể, các Bạn Úc hãy góp phần kiến thiết lại những thiệt hại mà chiến tranh đã tàn phá nặng nề đối với Phước Tuy - một vùng đất có nhiều kỷ niệm với các bạn...

Tại những cuộc gặp gỡ, trao đổi với những nhà kinh tế những cựu chiến binh Đồng Nai nói với các bạn Úc về khả năng hợp tác đầu tư của Úc vào Đồng Nai qua các lĩnh vực du lịch, giao thông, nông nghiệp, viễn thông, xuất nhập khẩu,... Các nhà kinh tế Úc đã chăm chú lắng nghe và bày tỏ niềm hy vọng sẽ sớm mở rộng đầu tư vào Việt Nam sau khi những vấn đề quốc tế và khu vực được giải tỏa. Những cựu binh Úc ở KURANDA đặt vấn đề kết nghĩa giữa hai hội cựu chiến binh KURANDA với hội cựu chiến binh Long Đất để qua đó thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hữu nghị giữa địa phương, hai nước. Các nhà sử học, nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu về Việt Nam đã tranh thủ gặp những «Việt cộng» là nhân chứng trong chiến tranh để xin ý kiến nhận xét về những tác phẩm, những công trình nghiên cứu về chiến tranh của họ. Các cựu binh Úc đều mong muốn tiếp xúc càng nhiều càng tốt với các cựu binh Đồng Nai để qua đó xóa đi những mặc cảm tội lỗi mà họ đã gây ra trong chiến tranh Việt Nam.

Có thể nói, cuộc đối đầu trên chiến trường Phước Tuy vào những năm giữa thập niên 60 đến cuộc đối thoại thẳng thắn sau 21 năm tại Việt Nam và cuộc gặp gỡ hữu nghị giữa những cựu binh Việt Nam và Úc trong những ngày thánh tám vừa qua trên đất Úc, đó chính là một bước thăng tiến của tình hữu nghị giữa hai nước và hai dân tộc. Những cựu binh và dân tộc Việt Nam - Úc đang nhìn về phía trước với những triển vọng của quá trình hợp tác đang dần trở thành hiện thực.

Báo Đồng Nai số 8 ngày 2.11.99

CÁC ANH ĐÃ TRỞ VỀ

XUÂN LẬP

Chúng tôi có mặt tại cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) vào lúc 7h ngày 26-9. Mới sáng sớm mà hàng ngàn quần chúng nhân dân 2 tỉnh biên giới Tây Ninh và Prây-Veng đã có mặt đông vui tại cửa khẩu để đón chào những đơn vị cuối cùng của quân tình nguyện Việt Nam trở về trước. Hàng trăm nhà báo quốc tế đã có mặt để chứng kiến sự kiện lịch sử này.

Đúng 8 giờ sáng, Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQ tỉnh Tây Ninh khai mạc trọng thể lễ đón tiếp những người con thân yêu của Tổ quốc vừa hoàn thành nghĩa vụ quốc tế trở về. Cùng với đại diện nhiều tỉnh bạn, đồng chí Nguyễn Văn Thông, ủy viên Thường vụ tỉnh ủy dẫn đầu đoàn đại biểu quân dân chính đảng tỉnh ra đi đón quân tình nguyện đã tham gia đoàn Chủ tịch buổi lễ. Tại buổi lễ đồng chí Hêng Xóm Cay, ủy viên Trung ương Đảng NDCM Campuchia, Bí thư tỉnh ủy Prây-Veng đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam là đưa tiễn những người bạn tốt nhất, thủy chung nhất của mình đã cứu đất nước Campuchia khỏi họa diệt chủng. Cám ơn những người cha, người mẹ, người vợ Việt Nam đã gửi đến đất nước chúng tôi những người biết sống không chỉ cho dân tộc Việt Nam mà còn biết sống thương yêu nhân ái cùng đồng loại.

Với nỗi xúc động lớn lao, chúng tôi đã tìm gặp phỏng vấn đồng chí thiếu tướng Khiếu Anh Lân, Tư lệnh mặt trận 479. Tay ẵm một cháu gái thơ ngây, tay ôm một bó hoa tươi thắm, đồng chí Tư lệnh Mặt trận trả lời: - Các nhà báo hãy nói rõ cho mọi người biết rằng những người lính tình nguyện chúng tôi luôn luôn trông đợi giây phút hạnh phúc này.

Trong rừng cờ, hoa và tiếng trống lân rộn rã, hơn 10 ngàn cán bộ chiến sĩ từ các mặt trận trên đất bạn đã lần lượt vượt qua kilômét số 0 giữa biên giới Campuchia – Việt Nam về nước. Dẫn đầu đoàn quân là tiểu đoàn 21 thiết giáp anh hùng. Tiếp sau là trung đoàn 16 bộ binh với nhiều gương mặt chiến sĩ Đồng Nai thân yêu rạng rỡ niềm vui của ngày sum họp. Theo chân đoàn quân trở về xe chúng tôi chạy bon bon trên đường lộ huyết mạch nối liền các tỉnh Tây Ninh - Sông Bé - Đồng Nai. Hai bên đường hàng trăm ngàn nhân dân cầm cờ, hoa chào đón.

13h đoàn xe đưa các đơn vị tình nguyện từ các mặt trận 479, 779 về đóng tại Đồng Nai. Tại đây Thành ủy, UBND thành phố Biên Hòa đã long trọng làm lễ đón tiếp. Trong tiếng quân nhạc hào hùng, tiếng trống lân rộn rã, đoàn quân đã theo chân đoàn xe hộ tống tiến về thành phố. Trên các ngã đường đoàn quân đi qua, hàng vạn người dùng chặt hai bên đường tung hoa vẫy chào đoàn. Khắp nơi trong thành phố, tiếng pháo chào mừng nổ rền vang tạo nên không khí vui tươi của ngày hội. Đồng chí Thái Văn Thành, chiến sĩ tiểu đoàn 54 quân tình nguyện Việt Nam tâm sự với chúng tôi: Xúc động lắm anh ạ. Em chỉ mong sao bà con mình luôn luôn giữ được những tình cảm nồng nhiệt ấy. Anh cho biết chỉ ít ngày nữa anh sẽ được xuất ngũ trở về với đồng ruộng trên quê hương Tam An (Long Thành) thân yêu của mình.

Khó mà diễn tả hết được niềm vui trở về quê hương của người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường và thân yêu của Tổ quốc ta. Trên chặng đường hành quân hàng trăm kilômét, từ các mặt trận phía Bắc, phía Tây Campuchia về đây, các anh đã trải qua bao vất vả, cực

nhọc dưới cái nắng thiêu người, giữa mù trời bụi bặm. Vậy mà trên khuôn mặt sạm nắng của các anh vẫn rạng rỡ nét tươi vui. Đón các anh về, hàng trăm ngàn người đã đứng chờ hàng tiếng đồng hồ cũng dưới cái nắng ghê người để chỉ mong được nhìn thấy các anh trở về, được bày tỏ một cử chỉ thân thương, kính trọng.

Tôi đã thấy một cụ già đứng bên lề đường Cách mạng Tháng Tám vội đưa tay lau nước mắt khi đoàn xe chở các anh đi qua. Có lẽ trong đoàn quân trở về lần này, lại thiếu vắng đứa con trai thân yêu của cụ và điều đó làm cụ hiểu rằng nó sẽ vĩnh viễn không bao giờ trở về nữa. Trong giờ phút thiêng liêng này có ai không xúc động khi thấy những bà mẹ già, những người vợ trẻ, những đứa con thơ đưa tay lau nước mắt vì đã mất con, mất chồng, mất cha, mất những người thân thương nhất của mình. Chúng ta hãy kính cẩn nghiêng mình tưởng nhớ đến các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam đã anh dũng hy sinh vì nghĩa vụ quốc tế cao cả trên đất Campuchia nhiều gian khổ.

Ngoài kia con sông Đồng Nai vẫn lặng lẽ trôi xuôi phả hơi mát dịu dàng vào thành phố. Mọi chuyện hôm nay rồi sẽ lui dần vào lịch sử nhưng trách nhiệm của chúng ta là phải sống làm sao cho xứng đáng với những trang sử hào hùng ấy.

*Báo Đồng Nai số 727
ra ngày 29.9.1989*

THẮNG CẢNH ĐỒNG NAI

Đồng Nai không có những đỉnh núi cao chót vót mây phủ quanh năm, không có những cánh đồng bao la ngút ngàn cò bay mỗi cánh và sau khi chia tách Bà Rịa cũng không còn cát trắng biển xanh sóng vỗ rạt rào. Cảnh quan Đồng Nai là cảnh quan đặc thù của vùng trung du tiếp giáp với vùng trũng thấp phù sa ngập mặn cận biển, có độ dốc thoải dần về phía Nam.

Chúng ta sẽ đến với Đồng Nai bằng chính con đường mà hơn 300 năm trước cha ông chúng ta đã đến. Từ cửa Soài Rạp menh mông hùng vĩ ngược lên Nhà Bè nước chảy chia hai với những sông ngòi, kênh, rạch, tắc, xẻo, chằng chịt chia cắt tằm thâm xanh thành trăm nghìn hòn đảo thiên hình vạn trạng, với một hệ sinh thái đặc trưng của một tiểu vùng địa lý phong phú đặc sắc mà màu xanh của nước, của trời và của diệp lục dễ làm say đắm lòng nguồn đặc biệt đối với những ai đến đây từ những thành phố công nghiệp phồn vinh, tiện nghi, mỹ lệ nhưng đầy khói bụi, ồn ào và bất trắc.

Rừng Sác không hoàn toàn bí ẩn và đáng sợ như buổi đầu mới biết. Hệ sinh thái rừng Sác đã ban tặng cho con người rất nhiều. Thứ nhất phải kể đến lượng oxy từ thảm rừng gần như vô tận này thải ra cho bầu khí quyển, kể đến là tiềm năng lâm sản, thủy hải sản cực kỳ phong phú. Có thể nói chỉ cần có nước ngọt và lửa là con người có thể trở lại trên mảnh đất này. Các di chỉ khảo cổ cho biết con người hiện diện ở rừng Sác khá sớm. Cách nay trên dưới 3000 năm, vào thời đại đồ đồng. Dấu vết những nhà sàn, con thuyền độc mộc, công cụ sản xuất, sinh hoạt, vũ khí, đồ trang sức... bằng gỗ, đá, đất nung, đồng... được tìm thấy trên vài chục địa điểm ở hầu hết những cửa sông, rạch, các cù lao có nguồn nước ngọt như Cái Vạn, Cái Lãng, Rạch Lá, và Mạt trắng, Mạt trời.... Tầng văn hóa dày, phân bố rộng và đồng nhất chứng tỏ cư dân tiền sử ở rừng Sác đã tồn tại khá lâu và rộng khắp trên vùng sinh thái này.

Với địa thế hiểm trở, rừng Sác đã hàng thế kỷ - «... che bộ đội, vây quân thù» với đầy đủ ý nghĩa của khái niệm này. Còn đó một sông Ngã Bảy (Thất giang) nơi đội chiến thuyền của Nguyễn Huệ thoát ần thoát hiện, lợi dụng thủy triều nhận chìm đoàn thuyền chiến của Nguyễn Ánh, giết chết đô đốc Manuel (Manh Hòe), còn đó rạch Bà Nghĩa, rạch Thiêng Liêng, rồi sông Lòng Tàu, Nhà Bè, bao nhiêu chiến hạm, tàu vận tải của Pháp, Mỹ đã đành phận chôn vùi để làm môi, làm ổ cho cá tôm rừng Sác.

Chắc chắn ngày ấy, những người con tiên phong khai phá vùng đất Đồng Nai không đi một mạch từ Soài Rạp đến cù lao Phố và con đường đến miền đất hứa này phải mất một thời gian dài bằng cả đời người với bao thử thách hy sinh nghiệt ngã khôn lường.

Để nhận thức được toàn diện cảnh quan xứ Đồng Nai, xin mời lữ khách cùng nhau đến với Đồng Nai theo chiều ngược lại. Dòng sông vẫn chảy như đá chảy xuyên qua cả thời gian và không gian dằng dặc đủ để phủ lên mặt đất này lớp phủ sa văn hóa màu mỡ. Là một con sông lớn mang yếu tố hoàn toàn nội sinh duy nhất trên nước ta.

Từ độ cao hơn 1.000m so với mặt biển Hà Tiên, hai dòng sông nhỏ hiền hòa Dah Nhim và Dah Dung gặp nhau và hòa dòng chảy, chỗ gặp nhau ấy cũng là nơi phát nguyên của một dòng sông lớn: sông Đồng Nai, «một món quà vô giá mà tạo hóa đã ưu ái và hào phóng ban tặng cho mọi sinh vật sống ở đôi bờ nơi nó chảy qua».

Hơn 500km với chín bậc thềm địa chất, dòng nước ngọt ngào tinh khiết triển miên chảy và liên tục đổi dòng qua các cánh rừng, hẻm núi, thung lũng, đầm lầy, có lúc quay ngược 180 độ như ngập ngừng lưu luyến để rồi sau đó lại tìm đường trực chỉ phương Nam, nơi biển Thái Bình đang vẫy gọi. Trên đường, nó tiếp nhận thêm lượng nước của hàng trăm sông suối mà Dah Uê, Dah Rnga (La Ngà), Dah Rlung và Đồng Môn là phụ lưu chính.

Dòng sông từ biệt cao nguyên Lang Biang bao la ở bậc thềm thứ chín: hàn Trị An để đổ nước vào những vùng bình nguyên châu thổ bát ngát mênh mông. Như cô sơn nữ từ non cao bầu bạn cùng gió núi mây ngàn vô tư uốn lượn, nhảy nhót, trườn mình trên các ghềnh đá ngày đêm cười vui tung bọt trắng, giờ đã hóa thân thành bà mẹ trầm tư, hiền hòa, sâu lắng hòa nhập với thủy triều dâng hai con nước mỗi ngày xuôi êm ra biển cả.

Trên đây là đôi nét chấm phá về vẻ tráng lệ, hùng vĩ và bình dị của con sông Đồng Nai. Có thể nói rằng, sông Đồng Nai là một thắng cảnh hoàn chỉnh.

Trên đường xuôi về biển, dòng sông lại để phía sau không biết bao nhiêu là ghềnh, thác, hồ chứa và cù lao. Từ thác Dah Nhim đến Trị An còn có hàng trăm thác khác có tên

và không có tên, mỗi thác một vẻ đẹp riêng.

Thác Trị An là thác cuối cùng của dòng chảy sông Đồng Nai. Dòng thác trước đây ngày đêm âm vang vào cuối rừng như quyện vào tiếng khóc than cho một chuyện tình cảm động được nhắc đến trong truyền thuyết về nó. Ngày nay, dòng thác được con người ngăn chặn để tạo dựng một công trình thủy điện mang tầm vóc quốc tế cung cấp nguồn điện cho cả các tỉnh phía Nam của Tổ quốc Hồ Trị An rộng hơn 35.000 hecta với 42 hòn đảo lớn nhỏ mênh mông sông nước cũng là một trong những tuyến du lịch hấp dẫn.

Các phụ lưu sông Đồng Nai phát tích từ nội địa trong dòng chảy của mình cùng tạo nên những cảnh thác đẹp hùng vĩ và thơ mộng. Trên sông La Ngà, bắt nguồn từ phía Nam cao nguyên Lang Biang đến khi hòa vào dòng nước con sông lớn Đồng Nai đã để lại một cảnh thác thiên nhiên tuyệt mỹ: thác Xuân Mai, Thác Xuân Mai - người Mạ gọi là Liêng Dur là một thắng cảnh kỳ vĩ thuộc địa phận lâm trường Tân Phú. Trải dài trên đoạn sông hơn 4 cây số, dòng thác như con rồng đang uốn mình đùa giỡn với dòng nước. Một quần thể đá tạo dáng với bao hình thù kỳ thú nối dài, trải rộng ra hai bên bờ và kết nối giữa dòng nước. Nhiều cụm đá liên hoàn, nhấp nhô đã tạo nên những vạch ngăn của nước, lúc tung, lúc hứng dưới ánh nắng trông thật kỳ ảo. Nhiều hang động với các hòn đá chông chênh vào nhau tạo cho cảnh thác thêm hoang sơ, huyền bí. Hai bên bờ cây cối bạt ngàn, hai bên sông tím màu bằng lăng và màu vàng của hoa mai - những gốc mai cổ thụ, quý hiếm. Thác Xuân Mai là một điểm du lịch hấp dẫn về sinh thái. Trong tương lai, khi được quy hoạch, tuyến du lịch thác Xuân Mai nối liền nơi in dấu bàn tay của người khổng lồ - một chuyện tình của người Mạ liên quan đến cụm Đá bàn hiện hữu trong lâm trường Tân Phú, với hồ nước khoáng vừa được phát hiện sẽ đưa vào hoạt động khai thác, phục vụ khách tham quan.

Thác Ba Giọt - sông Đồng Nai khi chảy qua địa bàn xã Phú Vinh, huyện Định Quán đã tạo nên một cảnh thác quyện rũ. Một hòn đá lớn dài hình vòng cung như chặn ngang qua dòng chảy của sông, để phía dưới hụp sâu xuống hình thành nên thác Ba Giọt.

Tuy không có được vẻ đẹp hùng vĩ như một số thác ở vùng cao nguyên như Dambri, Prent hay Cam Ly. Nhưng thác Ba Giọt hơn hẳn về quy mô. Nhìn từ phía Nam của bờ sông, dải đá dài như ngăn dòng nước đang ào xuống để chia thành hàng trăm vòi rồng đủ kiểu, nước tung trắng xóa từ trên cao xuống hồ phía dưới, tiếng reo vang vọng tận núi rừng. Hồ nước dưới thác rộng hơn 3 héc ta với nước xanh và trong mát. Nhiều bãi cát bồi, thoải thoải tạo cho hồ trở thành một bãi tắm tuyệt vời.

Với vẻ đẹp hữu tình, sông rộng, hồ sâu, thác nước ngày đêm reo vang... lại giữa cảnh thiên nhiên, chưa được bàn tay con người khai thác, dòng thác có một môi trường trong lành là điểm du lịch hấp dẫn. Đến với thác Ba Giọt, con người được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên và thỏa chí chinh phục để rồi hòa mình vào với chúng. Từ trên cao, những hàng cây xanh mọc hai bờ sông và trên những cồn đá như gọi cho con người khám phá thám hiểm để rồi khi hòa vào cảnh đẹp phía dưới, cảm thấy được thanh thản, sáng khoái trước sự ưu ái của thiên nhiên. Tương lai, toàn thể khu vực thác Ba Giọt sẽ được quy hoạch thành khu du lịch rộng 25 héc ta. Nơi đây sẽ hình thành những khu du thuyền, bãi tắm, hồ bơi dịch vụ giải trí với nhiều loại hình phong phú. Với một tiềm năng sẵn có, thác Ba Giọt cùng với thác Xuân Mai, danh thắng Đá Chông sẽ tạo nên một tuyến du lịch xanh hấp dẫn và quyện rũ. Tô điểm cho mọi cảnh quan ở đôi bờ những đồi thông, những cánh rừng nguyên sinh, những đỉnh núi cao và những đồi thấp, cả những buôn làng thấp thoáng

giữa hoang sơ giữa quần thể thực vật và động vật vô cùng phong phú của rừng già nhiệt đới, giữa những cây cổ thụ cao vút và rừng dương xỉ ven đầm lầy sông suối. Cảnh quan liên tục đổi thay và không lặp lại. Không biết có phải vì những cánh đồng, trảng cỏ, bồn trũng thứ sinh thấp thoáng bóng đàn nai gặm cỏ mà dòng sông được mang tên Đồng Nai không ?

Các cù lao trên sông khá nhiều, đó là những viên ngọc bích mà dòng sông đã dày công gọt giũa tô điểm ngàn đời. Cù lao Mỹ Quới, cù lao Thạch Hội (cù lao Rùa), cù lao Tân Triều, cù lao Phố, đến cù lao Ông Cò xứng đáng là những thắng cảnh tuyệt vời. Nối liền với dòng chảy của sông Đồng Nai là các cù lao yên ả này. Những cù lao rộng, trải dài hàng mấy cây số như điểm xuyết cho dòng chảy hiền hòa Đồng Nai thêm xinh đẹp. Trên những vùng cù lao là những vườn cây trái sum xuê và danh tiếng với các loài sản vật: bưởi, sầu ở cù lao Tân Triều; dâu, mía ở cù lao Tân Chánh. Cù lao Rùa (Thạch Hội) có hình dáng như một con rùa (qui đự) được miêu tả trong Gia Định thành thông chí «ngoài có trường giang bao bọc, ghe thuyền ra vào, sóng vỗ khói bay, ẩn hiện hình như con thần qui giống sóng». Cù lao Phố (còn gọi là bãi Đại Phố) là địa thế khuất khúc chạy tới hình như con Hoa cú (tức con rồng có sừng) uốn khúc giỡn nước. Trước đây, cù lao Phố là một thương cảng sầm uất, thu hút nhiều khách buôn quốc tế qua bể dâu thời cuộc, thời kỳ hoàng kim của cù lao Phố đã lui vào dĩ vãng, hoàn thành sứ mạng của một đô thị cổ, một cảng sông sầm uất nhất Đàng Trong suốt thế kỷ XVIII. Ngày nay, là một vùng quê nằm trong thành phố, vốn mang trên mình những chứng tích của lịch sử: những ngôi đình, chùa mái ngói rêu phong cổ kính, những chuyện kể xưa về bao lớp người mở cõi.... Cù lao Phố vẫn xứng đáng là một quần thể di tích, điểm du lịch cho mọi hoạt động văn hóa về nguồn, du lịch xanh hấp dẫn. Với lớp phù sa trẻ trên lớp phù sa cổ màu mỡ tắm nước quanh năm, đất sông lý tưởng của những ruộng lúa và các vườn cây ăn trái, của cuộc sống bình yên, thanh thản, trên nền xanh ngút ngàn điểm xuyết những mái đình cổ ẩn mình dưới đáy bóng những cây dầu, sao cổ thụ, những mái lá vươn khói lam chiều và những con thuyền dập dềnh trên sóng nước.

Cảnh đẹp đặc trưng Đồng Nai còn là những cánh rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh và rừng trồng mới. Rừng Nam Cát Tiên ở thượng nguồn sông Đồng Nai như một bảo tàng thiên nhiên phong phú - một khu rừng nguyên sinh rộng hơn 35.000 héc ta. Những truyền thuyết, chuyện kể được lưu truyền với nhiều chi tiết huyền bí, hoang sơ đã tạo thêm cho rừng Nam Cát Tiên những hấp dẫn thu hút bên cạnh sự đa dạng vốn sẵn có của tự nhiên.

Hàng chục ngàn héc ta rừng với nhiều thảm thực vật, Nam Cát Tiên xứng đáng với tên gọi là một bảo tàng thiên nhiên của cả nước. Hàng trăm loại thực vật từ những họ nhỏ có nhiều loài đến những loại gỗ quý như: gỗ, cẩm lai, giáng hương. Trong rừng, có những vùng cây cổ thụ sừng sững in bóng hàng bao thế kỷ. Trải dài trên vùng đất rộng với địa hình và sinh cảnh khác nhau, rừng Nam Cát Tiên quy tụ khá nhiều động vật các loài. Thật khó có thể thống kê tất cả các loài thú từ những loài quý hiếm như: hổ, tê giác, bò bần teng, rùa mai vàng... cho đến các loài nhỏ hơn vô cùng phong phú. Từ lâu, sự giàu có của giới động vật rừng Nam Cát Tiên gắn liền với bao cái tên như: suối Chồn, bầu Sáu, hóc Kên Kên, trảng Công. Ngày nay, rừng Nam Cát Tiên được bảo vệ theo tiêu chuẩn quốc gia. Điều này đáng mừng, nhưng cũng gợi lên lời sám hối của con người về một thế kỷ cuồng sát rừng không thương tiếc. Là một khu danh thắng nổi tiếng, Nam Cát Tiên là đối tượng nghiên cứu về môi trường, đa dạng sinh học để phát huy những tiềm năng vốn có tự nhiên.

Khi biển lùi xa, khi lớp nham thạch tuôn trào từ hàng trăm miệng núi lửa đã tắt nguội từ lâu, trên lớp bazan tươi đỏ và cả lớp phù sa xám thiên nhiên đã thiết lập một hệ sinh thái đặc trưng của một vùng bán đảo gió mùa cận nhiệt đới. Khó hình dung những cánh rừng đại ngàn ngày ấy vì rừng cấm Nam Cát Tiên chỉ là một vườn cảnh còn con còn lại.

Rừng trồng ở Đồng Nai trước hết phải nói đến cao su. Từ những cây cao su thí nghiệm do người Pháp trồng thử từ đầu thế kỷ đến nay đã được nhân lên ngàn vạn lần, ngoài lợi ích kinh tế kỹ thuật, rừng cao su còn nhận thêm sứ mạng phủ xanh mặt đất chống phong hóa xói mòn và tạo nên cảnh quan tuyệt đẹp. Nhìn những cánh rừng cao su qua cánh bay hoặc ngồi trên xe chạy tốc độ vừa phải qua các hàng cây xanh um thẳng hàng đến nghiêm túc thấy lòng yên ổn thanh thản lạ thường.

Theo quốc lộ 20 Sài Gòn - Đà Lạt, qua Bảo Lộc, đò dốc đèo Chuối, ta bắt gặp một thị trấn nhỏ nằm nép dưới chân những gộp đá gianh khổng lồ chồng chất lên nhau, hai chồng, rồi ba chồng, tưởng chông chênh nhưng thực sự nó đã tồn tại như thế bền vững đã hơn 100 triệu năm, mưa gió đã bào mòn để tạo hình, hình thành những tượng đài kỳ vĩ, dòng sông La Ngà lượn qua đây trước khi hòa vào sông Đồng Nai và hồ Trị An.

Quần thể Đá Chồng ở Định Quán là một danh thắng ở huyện Định Quán được Nhà nước xếp hạng di tích. Khu danh thắng nằm giữa khu dân cư sầm uất, ngay bên quốc lộ 20 - huyết mạch nối liền cao nguyên Bảo Lộc, Lâm Đồng với đồng bằng Nam bộ. Có ý kiến cho rằng: so với Tô Thị, hòn Trống Mái hay hòn Vọng Phu, Đá Chồng Định Quán hơn hẳn về tầm cỡ, quy mô và tạo dáng. Hàng triệu năm sừng sững dải dầu mưa nắng, ba lần ngâm mình dưới làn sóng nước mặn khi biển tiến, chứng kiến hàng trăm núi lửa trong vùng đồng loạt hoạt động dữ dội, dung nham tuôn chảy, khói lửa ngút trời trong kỷ đệ tứ, bàn tay kì diệu của thiên nhiên đã nâng núi lên để dày công gọt giũa, tô điểm những tảng đá hoa cương thành những tượng đài khổng lồ, hùng vĩ và độc đáo lạ thường.

Quần thể Đá Chồng Định Quán gồm những cụm tiêu biểu: hòn Ba Chồng, núi Đá Voi, hòn đĩa và ngôi chùa Thiện Chơn được tạo dáng đẹp đẽ, hài hòa cho khu danh thắng.

Với ba hòn đá nằm chông chênh, độ cao 36m so với mặt lộ, hòn sa Chồng nằm sát quốc lộ 20 về phía đông bắc như một tượng đài kỳ vĩ trước gió sương. Hòn đá dưới cùng lớn hơn gấp đôi hai hòn nằm trên, hòn trên cùng thì nằm chìa ra bên ngoài tưởng chừng như muốn đổ xuống bất kỳ lúc nào. Dáng hình kỳ lạ này đã làm ngạc nhiên biết bao nhiêu khách tham quan dừng chân lại khu di tích.

Về phía tây bắc quần thể Đá Chồng là cụm di tích có hình dáng như một chiếc đĩa. Hòn Đĩa to, tròn, nằm trên một hòn đá nhỏ hơn, tựa như mong manh dễ vỡ nhưng khá vững chắc, có độ cao 43m so với mặt đất. Cụm núi có nhiều tảng đá chồng kènh vào nhau, nhiều cây cối mọc um tùm tạo nên những hang động đầy vẻ huyền bí, tựa như cây và đá tìm một cách vươn lên để tìm hơi thở sinh tồn.

Cụm núi Đá Voi được nhân dân gọi là Bạch Tượng, nằm về phía tây nam của danh thắng Đá Chồng. Nó có hình thù như hai con voi lớn nằm cạnh nhau, trên đỉnh hòn đá gọi là Voi Đực có tượng Phật Thích Ca khổng lồ nhìn về hướng đông được xây dựng vào những năm đầu của thập niên 1970. Hòn đá Voi Cái nằm kề bên. Phía dưới của cụm đá có hang Bạch Hồ với chuyện tích kể rằng: Xưa kia, khi rừng rậm còn nhiều, có một cặp hổ trắng về ẩn tại núi đá Voi. Điều kỳ lạ là cặp chúa sơn lâm này không bắt người ăn thịt mà thường xuống nghe kinh Phật ở chùa Thiện Chơn. Sau này, rừng bị phá dần, lại thêm chiến

tranh, cặp hồ bỏ đi, nhân dân cho là Hồ thần nên đặt tên hang là Bạch Hồ. Từ hang Bạch Hồ, bàn tay con người đã tạo nên một hành lang tam cấp. Uốn lượn theo núi Đá Voi để du khách đến tham quan dễ dàng đi làng lên đỉnh của đá Voi Đực đến với tượng Phật, phóng tầm nhìn ra toàn cảnh khu danh thắng. Từ trên cao, nhìn bốn hướng, một quang cảnh thiên nhiên diễm lệ đa dạng đến tuyệt vời. Giữa chập chùng những ngọn núi lửa cổ miệng phễu hình elip nghiêng nghiêng in dấu dòng dung nham nay đã thành những ốc đảo xanh tươi với các loại cây vùng nhiệt đới. Xa xa, những thung lũng mênh mông xanh mượt, lấp lánh những hồ nước và cả những dòng suối uốn lượn uyển chuyển dưới chân đồi.

Được bàn tay thiên nhiên tạo dáng và sự chăm chút của con người, quần thể Đá Chồng Định Quán đã làm say mê không biết bao nhiêu du khách đến đây. Mặc cho sự tàn phá khắc nghiệt của thời gian, những cụm tượng đá hoa cương vẫn đứng sừng sững như thi gan, vươn mình kiêu hãnh với mưa nắng, như tô điểm thêm sức sống mãnh liệt, chất phong trần của đá.

Đứng trên đá chồng, mở tầm nhìn về tứ phía, ta không thể không sững sờ về hình sông thế núi mỹ lệ, hùng vĩ. Từ những miệng núi lửa cổ xưa hiền hòa nghiêng nghiêng cái miệng hình elip in hình dòng dung nham cổ giờ đã hình thành những ốc đảo xanh tươi với các vườn cây ăn quả, một cây cầu mảnh dẻ vắt qua sông, những con đường lượn vòng theo bình độ mát hút sau hẻm núi rồi lại hiện ra, những buôn làng Mạ lúp xúp dưới thung lũng và xa xa, hồ thủy điện Trị An lấp lánh ánh tà dương....

Vùng đất bazan Long Khánh được biết đến là nơi có những vườn cây ăn trái: chôm chôm, sầu riêng, cà phê; những rừng cao su bạt ngàn, còn có một di tích kiến trúc cổ được Nhà nước xếp hạng di tích, là điểm thu hút nhiều khách tham quan trong và ngoài nước. Đó là ngôi mộ cổ Hàng Gòn (còn có tên là mộ cự thạch, hay mỏ ông Đá) thuộc địa Phận nông trường Cao su Hàng Gòn, huyện Long Khánh. Di tích là một kiến trúc đá khá độc đáo trong lòng đất. Ngôi mộ được phát hiện năm 1972 và được trùng tu vào năm 1992. Kiến trúc của ngôi mộ gồm những tảng đá hoa cương lớn, lắp ghép theo hình hộp chữ nhật. Những trụ đá cao, dàn đầu khoét lõm hình yên ngựa nằm ngổn ngang chung quanh mộ như chứng tỏ kỳ tích một thời của lớp cư dân cổ trên đất Đồng Nai. Loại đá được dùng làm mộ với kích cỡ, trọng lượng lớn tại đây không có mặt trong vùng đất Đồng Nai. Và kết cấu của mộ trông đơn giản nhưng vững chắc chứng minh hùng hồn về sức mạnh, sự sáng tạo của chủ nhân của nó.

Hơn nửa thế kỷ từ khi phát hiện cho đến nay, di tích mộ cự thạch Hàng Gòn được biết đến trên nhiều phương tiện thông tin trong và ngoài nước. Giá trị văn hóa lớn lao của di tích đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu và khách tham quan. Để hiểu rõ về di tích: nhiều người muốn đi tìm về sự bí ẩn của nó, muốn giải mã về sự hiện diện của nó trong đời sống của con người xưa cách đây hơn 2000 năm. Thế nhưng, đi tìm sự bí ẩn của quá khứ, nhiều người lại càng bắt gặp những bí ẩn khác chưa giải thích được. Và chính điều đó đã trở thành điểm thu hút hấp dẫn mọi người từ ngạc nhiên đến thán phục khi chiêm ngưỡng kiến trúc như kì bí của nó.

Suối Tre ở Long Khánh lung linh giữa những cánh rừng cao su như một Đà Lạt thu nhỏ mang đậm phong cách Pháp, được xây dựng từ đầu thế kỷ là một mô hình du lịch lịch lãm mà bàn tay con người biết trân trọng hòa nhập với thiên nhiên. Suối Tre nằm trên địa hình vùng đồi núi bazan ở Đồng Nai, được kiến tạo bởi những quả đồi, với triền đồi thoải thoải đầy ngoạn mục.

Suối Tre nằm dọc theo quốc lộ 1A, cách Thành phố Hồ Chí Minh 80km (cạnh thị xã Long Khánh) về hướng đông bắc. Nơi đây, được mệnh danh là «Đà Lạt của miền Đông».

Được hình thành từ những năm đầu thế kỷ 20, khi các tư bản người Pháp sang Việt Nam lập các đồn điền cao su, nơi này có khí hậu ôn hòa, địa hình lạ, thiên nhiên ưu đãi, đã giữ chân những người Pháp đầu tiên ở lại đây, họ tập trung khai thác và lập thành một khu nghỉ ngơi giải trí rất đặc biệt !

Cả khu vực này rộng trên chục héc ta, với nhiều đồi cỏ nhấp nhô, bao bọc con suối quanh co bên những bờ tre xanh ngắt. Trước đây trên mỗi đỉnh đồi đều được xây dựng những ngôi biệt thự (kiến trúc Pháp) rất khang trang đầy đủ tiện nghi, tạo thành một khu liên gia cư dành riêng cho các ông chủ của các đồn điền cao su SIPH. Xung quanh những ngôi biệt thự là những hàng dương bạt ngàn, lúc nào cũng rì rào tỏa bóng mát và nhiều cây cao cổ thụ.

Khu trung tâm là một vùng đất bằng phẳng có hồ tắm, nhà ăn, dancing, sân tennis và nhiều trò chơi giải trí. Đây là một công viên văn hóa đẹp như một bản giao hưởng gồm những đồi thấp trồng cỏ, những cây cổ thụ trăm tuổi, những biệt thự gothique với dòng suối uốn quanh tạo cảm giác thoát tục khi đến đây. Gần đây ở Cẩm Mỹ cũng xuất hiện một công viên kiểu này: khu du lịch - công trường cao su Cẩm Mỹ - được hình thành từ năm 1994 , khu vui chơi, giải trí đồi Sơn Thủy mau chóng trở thành một thắng cảnh lý tưởng thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân lao động ở khắp mọi nơi đến tham quan, giải trí.

Đây là một công trình văn hóa có giá trị, là thành quả lao động sáng tạo của tập thể cán bộ, công nhân viên nông trường cao su Cẩm Mỹ. Nơi đây không được thiên nhiên ưu đãi, từ một khu đất trống là vườn ươm cây cao su, qua bàn tay lao động sáng tạo của người công nhân cao su trong xã hội mới, ban đầu đã xây dựng một hòn non bộ cao 18m, bên trong có nhiều hang động khá kỳ thú ? xung quanh hòn non bộ được bao bọc bởi hồ thiên nga, du thuyền, uốn lượn bên những đồi cỏ nhấp nhô, dưới rặng liễu đu đưa, và nhiều dị thảo kỳ hoa khác.... Du khách ở các nơi bắt đầu tìm đến đây như một sự thôi thúc bởi lòng hiếu kỳ, nhưng thực tế họ đã cảm nhận được một không khí trong lành, một phong cảnh đẹp, một nơi giải trí lý tưởng nghỉ ngơi thoáng mát. Còn công nhân cao su ở đây càng tự hào về ý chí và công sức lao động của mình và sung sướng khi tận mắt chứng kiến một khu du lịch văn hóa đang thu hút khách ở tại địa phương mình.

Khu du lịch Cẩm Mỹ ngày càng được nâng cấp, tạo nên nhiều mô hình giải trí mới để đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu tinh thần của đông đảo mọi người. Hiện nay, đồi Sơn Thủy đã tạm hoàn chỉnh với các hạng mục như : vườn thú - với nhiều loại thú quý hiếm, hoang dã; vườn hoa lưu niệm; khu vườn cổ tích, sân rồng, khủng long đồi hưu cao cổ, chùa một cột, sân khấu ngoài trời, nhà hàng, hồ bơi, sân tennis, khu vui chơi thiếu nhi, nhà banh, du thuyền, xe lửa tham quan dài 20m, ngựa quay, phi cơ đảo...

Đồi Sơn Thủy, trung tâm văn hóa của nông trường cao su Cẩm Mỹ, hàng năm trong các ngày nghỉ, các dịp lễ, tết, nơi đây đã thu hút hàng chục ngàn lượt khách đến tham quan, giải trí, góp phần nâng cao đời sống văn hóa ở một vùng nông thôn mới. Cái khác nhau lớn nhất có lẽ là vì chủ nhân của những công viên này ngày nay là người công nhân cao su Việt Nam.

Chắc chúng ta rồi sẽ có những khu du lịch lớn hơn, đẹp hơn ở núi Gia Rây, ở đồi con Rắn để khỏi phụ lòng tạo hóa.

Vùng địa lý miệt hạ sông Đồng Nai khá bằng phẳng với những đồng bằng, cù lao xanh mướt, những mảng rừng ngập nước nối nhau. Vì vậy, trên toàn vùng này, sự hiện diện của những quả đồi (có thể gọi là núi) do sự kiến tạo của thiên nhiên trở thành những nơi hấp dẫn con người. Vốn những nơi đồi, núi đó trở thành của hiếm lạ, nơi vùng hạ lưu sông Đồng Nai và sự tôn tạo, xây dựng những cơ sở kiến trúc, đặc biệt là kiến trúc tín ngưỡng trong những giai đoạn lịch sử trước đã tạo thêm cho địa thế vùng núi, đồi trở thành điểm du lịch với con người trong sinh hoạt đời thường hay các dịp hội, đình đám.

Sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức (tập thượng) trong mục ghi chép về núi sông Biên Hòa có nói đến những ngọn núi như : «Núi Long ẩn, ở phía Tây trấn bốn dặm rưỡi»: đất đá nguy nga, cây cối tươi tốt, làm bình phong sau cho văn Miếu, thế núi quanh co hùng vĩ, dưới lại có thủy tinh hay núi Bửu Phong được miêu tả «cây cối xum xuê, khói mây man mác» hoặc núi Bạch Thạch với đồi núi quanh co, suối khe róc rách, những loài thú như tê tượng, hưu, nai, sống thành bầy; núi Đào Cang (còn gọi là núi Lò Gốm), có cây đá chập chồng, gần sông nước lao xao, cảnh trí u nhã; núi Châu Thới với cây cối lâu đời rậm rạp hình núi cao thấp khuất khúc, trên núi có hang hổ, khe nước và là chỗ tu hành, lên trên núi như tiêu dao ra ngoài cõi tục (địa danh này ngày nay thuộc tỉnh Bình Dương)...

Ngày nay, những ngọn núi đó vẫn còn, nhưng nhiều cảnh vật đã đổi thay qua những biến cố của lịch sử cùng với sự khắc nghiệt của thiên nhiên và có cả sự tàn phá của con người. Trong số các ngọn núi được kể tên trong sử sách xưa, có Long Ẩn và Bửu Long là may mắn. Núi Long Ẩn và Bửu Long không còn như ghi chép trước đây nhưng cùng với những cụm kiến trúc được con người tôn tạo trở thành một điểm du lịch - không ngoa mà nói là đệ nhất thắng cảnh của Biên Hòa.

Núi Bửu Long với quần thể núi non, sông hồ, hang động, chùa chiền được bảo vệ, trùng tu, tôn tạo như một khu di tích quốc gia. Danh thắng Bửu Long rộng 84 héc ta, có độ cao trung bình là 100 mét so với nước biển. Sách sử xưa cho biết; đây là nơi sơn thủy hữu tình. Núi cao, hồ rộng, không khí trong lành, mát mẻ với «Văn nhơn nghiêng bầu vịnh giai tiết, mỹ nữ nối gót đến hành hương». Khu danh thắng có hai cụm chính: cụm núi Bình Điện và Long Sơn thạch động. Trên ngọn núi Bình Điện có ngôi chùa Bửu Phong được khai sơn rất sớm, với lối kiến trúc chạm trổ trang trí hoa văn tinh tế. Từ chân núi muốn đi đến chùa phải trải qua một dãy tam cấp gần 100 bậc. Xung quanh chùa có những bảo tháp cổ và nhiều hòn đá tạo hình kỳ thú trông hoang sơ huyền bí. Cụm Long, Sơn thạch động (còn gọi là chùa Hang) tọa lạc trên núi Long ẩn.

Trên núi có ngôi chùa dẫn vào thạch động với miệng từ ngoài rộng và đẹp dẫn vào bên trong như một hang ếch, trong vách nhiều nhũ đá với hình thù kỳ lạ rủ xuống trông kỳ ảo, lung linh dưới những ánh đèn trang trí trên núi Long Ẩn, hiện có nhiều kiến trúc tín ngưỡng: chùa, am của các phái Phật giáo. Chúng làm phong phú cho những người lễ hội hành hương ở đây, nếu có sự quy hoạch hợp lý.

Ngoài hai cụm núi trên với những kiến trúc chùa cổ, khu danh thắng Bửu Long còn được biết đến với khu hồ Long Ẩn. Đây là hồ nước do nhân dân trong vùng khai thác đá từ hàng thế kỷ nay tạo thành. Hồ rộng gần 20.000 m², hồ nước trong xanh với những cụm đá còn lại tạo nên những hòn đảo giữa biển nước mông mênh. Từ những hòn đảo này, bàn tay con người đã tạo dáng thêm làm cho chúng thành những cảnh đẹp ẩn, hiện giữa sóng nhấp nhô, giữa những con đường ngoằn ngoèo xung quanh khu vực như một bức tranh kỳ ảo.

Một khu du lịch xanh với những vườn cây, cụm núi thú thời tiền sử đã tô điểm thêm cho toàn bộ khu danh thắng, có núi có hồ, có sông và những chương trình hoạt động hấp dẫn Bửu Long đã, đang trở thành điểm du lịch, thu hút hoạt động văn hóa lành mạnh. Nhiều bài thơ đã ca ngợi cảnh đẹp của Bửu Long:

*Sơn động, khen ai khéo tạo hồ
Đôi cao, vách đứng, mỏm chơ vơ
Nước xanh phẳng mặt gương êm ả
Đá xám trụ hình chỏm nhấp nhô
Thạch động đầu non chùa tháp thoáng
Du thuyền dưới trũng mái đong đưa
Hồ đây «Vịnh Hạ Long đâu khác»
Đá nước khen ai gọi hứng thơ*

(Theo Lương Văn Lựu - Biên Hòa sử lược)

Hay:

*Bên là rừng rậm, phía là sông
Cực lạc chen trong đám bụi hồng
Bình Điện danh sơn miền Lộc Dã
Bửu Phong cổ tự cõi Nam Tông
Lên non nhớ ghé thăm Hàm Hồ
Dạo cảnh đừng quên viếng Miệng Rồng*

(trích của tác giả Vũ Huy Châu)

Trong tương lai, khu du lịch Bửu Long sẽ được quy hoạch phát triển thành một trong những tuyến du lịch của Đồng Nai với nhiều ưu thế: cảnh đẹp thiên nhiên sẵn có, có làng nghề làm đá Bửu Long, có khu Văn miếu được tái tạo. Hồ Biên Hòa, người Pháp gọi là “Lạc Biên Hòa”, là quãng sông rộng hơn 1000m ở khu vực trung lưu sông Đồng Nai nằm giữa Biên Hòa đã cho thành phố này một cảnh quan đặc sắc, điều hòa bầu không khí và nuôi sống khu dân cư sầm uất của đô thị này.

Mọi con đường đều dẫn đến thủ phủ Biên Hòa và các huyện lân cận Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, trung tâm của vùng động lực phát triển kinh tế xã hội, có tốc độ công nghiệp hóa sôi động nhất với những khu công nghiệp, bến cảng, sân bay, đường cao tốc, khu đô thị...

Những nhà chiến lược ở Trung ương và địa phương sớm thấy những hệ lụy về môi trường trên đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên đã có một số đối sách hợp lý về việc bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, bảo vệ màu xanh cho xứ sở.

Đồng Nai - Biên Hòa bước vào tuổi 300, vào thế kỷ XXI, vào thiên niên kỷ thứ III với nhịp độ hối hả, khẩn trương nhưng chắc chắn không vì thế mà làm xúc phạm hay phá hủy cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hài hòa mà tạo hóa đã ban tặng từ ngàn xưa.

ĐỒNG NAI

Ghi nhanh: SÔNG ĐỒNG NAI NHỮNG GIỜ PHÚT LỊCH SỬ

TRẦN TRUNG PHI

15 giờ ngày 11-01-1987, một sự kiện có ý nghĩa trước ngày chính thức ngăn sông là mực nước đã chảy qua lại hai cửa van của đập tràn, báo hiệu hai bờ sông Đồng Nai đang nối lại gần nhau, chuẩn bị sáng ngày 12 chặn dòng sông chính thức. Toàn công trường hồi hả, hồi hộp. Công trường rực rỡ hoa và lòng người hồ hởi trước một sự kiện lịch sử diễn ra trên sông Đồng Nai ở chiến khu Đ đầy chiến tích anh hùng.

Trên dòng nước chảy qua đập tràn, các sinh viên của trường đại học Thủy lợi, theo tiếng gọi của công trường đã tập kết về Trị An để đo lưu tốc, lưu lượng của dòng nước, thông báo kịp thời với mọi người lưu lượng nước trên sông không thay đổi, không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân ở hạ lưu. Anh Ngô Bình Đoàn, giám đốc Xí nghiệp xây dựng thủy lợi số 2; anh Mai Trọng Sửu, trưởng phòng kế hoạch, kỹ thuật cầm cờ hiệu điều khiển từng chiếc xe vào vị trí đổ đất đá. Lưu tốc dòng chảy qua hai bờ đê quai tăng dần khi khoảng cách ngắn lại. Đã sắp đến giờ «G» rồi, các anh cho biết cần phải thật thận trọng, bảo đảm chất lượng công trình, phấn đấu bảo đảm kế hoạch ngăn sông. Công nhân Nguyễn Đức Lợi - người lái chiếc KAMASU HK 14, 320 mã lực ngồi trên khoang lái nói vọng xuống với chúng tôi:

- Em đã làm 3 giờ của ca chiều rồi nhưng không thấy mệt, không còn niềm vui nào cho bằng niềm vui ngăn sông.

Chiều xuống, màn đêm chưa kịp buông thì ánh điện đã tỏa sáng khắp các điểm thi công. Chiếc đèn pha tỏa rõ ở đê quai, xe máy, thiết bị tiếp tục hoạt động. Khu phụ trợ số một ở bờ Bắc sông Đồng Nai rực sáng ánh điện như một thành Phố đã được công nghiệp hóa. Chiếc cầu EK6F 450 và KB 403 vẫn lấp lánh đèn hiệu, tiếp tục lắp cầu điện, thiết bị cho đập tràn. Những đoàn xe tải, xe cạp lốp bung ra khắp các hướng, tập kết vật liệu xây dựng về điểm thi công. Văn phòng Ban giám đốc Liên hiệp xí nghiệp xây dựng thủy lợi 4 thực sự và một Bộ chỉ huy chiến dịch tập trung năng lực và trí tuệ của 6.000 người tham gia chiến dịch. Khi khảo sát địa hình, các đơn vị ngoài hiện trường đề nghị cần có đất để lấp mặt bằng, lập tức lúc 12 giờ đêm một đội cạp lốp trên 10 chiếc được điều động về hướng Đông để vận chuyển đất đá đến nơi thi công.

Ngay sáng sớm chúng tôi đã gặp Bộ trưởng Bộ thủy lợi Bùi Danh Lưu, tổng giám đốc Lương Viên và kỹ sư trưởng thiết kế thi công Iu-rốp-xki tại nơi ngăn sông. Chiếc cầu Hitachi như một cánh tay vươn cao giữa trời sáng trong, cầu những khối bê tông tứ diện lên xe tải sẵn sàng đổ xuống dòng sông.

Và sáng ngày 12-01-1987, giữa chiến khu lịch sử, trên dòng sông Đồng Nai, giờ phút lịch sử của con sông diễn ra: ngày ngăn sông Đồng Nai. Các đồng chí Phạm Hùng, Đồng Sĩ Nguyên, đại diện của các cơ quan ban ngành của Trung ương và đại biểu các địa phương mang theo tấm lòng của nhân dân chiến trường B2 và của cả nước, chắt chiu đùm bọc góp sức cho Trị An, cùng với Trị An quyết tâm đến cuối năm 1987 tổ máy một phải

phát điện.

Hào khí Đồng Nai, hào khí chiến khu Đ được tiếp nối bằng hào khí Trị An hôm nay./

«NHỮNG TRÁI TIM NHƯ NGỌC SÁNG NGỜI...»

HUỲNH TỚI

Nâng tập sách «Những bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Đồng Nai» (NXB Đồng Nai - 1996) trong ta, khó ai chẳng xao lòng. Tập sách khổ 19x27, gồm 516 trang chính văn và 18 trang phụ lục, trang trọng viết về cuộc đời thực của 264 bà mẹ ở Đồng Nai xứng đáng được Chủ tịch nước phong tặng và truy tặng danh hiệu cao quý «Bà mẹ Việt Nam anh hùng» trong 4 đợt vừa qua (đợt gần đây nhất có 10 mẹ được phong, truy tặng; chưa kịp đưa vào tập sách). Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, tập sách được in đẹp, phát hành đúng dịp chuẩn bị kỷ niệm 50 năm Ngày thương binh liệt sĩ.

Mỗi bà mẹ là một cảnh đời khác nhau: có ngọt bùi nhưng không ít đắng cay gian khổ, thậm chí rất éo le, song đều giống nhau ở phẩm chất: thương chồng, quý con, vừa đóng góp tâm sức mình và cả xương máu mình cho cách mạng; vừa sinh thành, nuôi dưỡng, cống hiến cho đất nước những người con ưu tú. Khó thể kể hết vẻ đẹp, nỗi đau, sự hy sinh cao cả của các mẹ, những người đã san sẻ đời mình cho sự nghiệp chung để rồi từ trong cái bình dị nhưng thật thiêng liêng ấy, họ hóa thân thành dáng hình xứ sở.

NHỮNG BÀ MẸ ANH HÙNG LIỆT SĨ.

Trong tập sách, có 9 bà mẹ anh hùng đồng thời là liệt sĩ (LS): Nguyễn Thị Ân (Biên Hòa), Phạm Thị Hoa (Long Thành), Lương Thị Thìn (Long Thành), Nguyễn Thị Mai (Long Thành), Lê Thị Lý (Xuân Lộc), Huỳnh Thị Thế (Nhơn Trạch), Phan Thị Ôn (Nhơn Trạch), Hồ Thị Khiêm (Nhơn Trạch), Trần Thị Thiệt (Nhơn Trạch). Cuộc sống, chiến đấu và sự hy sinh của các mẹ đầy bi thương và rất đổi hào hùng.

Mẹ Ân (1928 - 1952) đồng hương với nhà thơ chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ, được xem là «con chim én thoi đưa» trong nhiệm vụ giao liên khắp chiến trường miền Đông, miền Tây Nam bộ thời kháng chiến chống Pháp. Năm 1952, mẹ Ân sinh con trai đầu lòng, cùng chồng vượt sông đưa đứa con còn đỏ hỏn về ngoại, không lâu sau, bị trọng thương do pháo địch nã vào cứ, không cứu được, hy sinh ở độ tuổi 34 tràn trề sức sống.

Mẹ Lương Thị Thìn (1896 - 1946) là một trong những LS đầu tiên của xã Long An trong đấu tranh chống Pháp. Con mẹ đều là những chiến sĩ cách mạng kiên trung, trong đó có tướng Lương Văn Nho nổi danh trong hai cuộc kháng chiến. Bản thân mẹ cũng là một chiến sĩ với nhiệm vụ vận động nuôi quân. Trong một đợt giặc Pháp càn vào Long An, chúng bắt mẹ tra tấn dã man hòng khai thác tin tức về cách mạng. Không chịu khuất phục, mẹ bị giặc nã đạn vào ngực, thân vắt trên hàng rào bên nhà.

Mẹ Phạm Thị Hoa (1919 - 1971) có chồng là LS thời chống Pháp con gái duy nhất là y tá quân giải phóng tên Trần Thị Ánh Hồng hy sinh năm 1966. Mẹ đi bước nữa, gá nghĩa với một đồng chí cùng cam cộng khổ trong kháng chiến chống Mỹ. Hạnh phúc chưa trọn vẹn thì năm 1971, mẹ cùng chồng ở chiến khu lòng chảo Phước An bị địch ném bom sập hầm, hy sinh cả hai.

Mẹ Phạm Thị Ôn (1912 - 1970) ở Xóm Hô, xã Phú Hội anh hùng có hai con trai và một cháu ngoại cũng là LS. Trường hợp hy sinh của mẹ đến nay hình dung lại vẫn hãi hùng. Với những việc nhỏ nhất như lượm tàu cau, bó chổi, đuổi kết trồng vườn... mẹ Ôn đã có công lớn trong việc cung cấp tin tức, bảo vệ, che chở cho quân giải phóng. Một buổi sáng 1970, khi phát hiện giặc càn, mẹ xông ra cản đường, la lớn để báo động; bộ đội, du kích kịp rút đi an toàn. Hành động quả cảm của mẹ khiến giặc bất lực, bắn thẳng vào mẹ hàng loạt đạn. Mẹ hy sinh, một quả đạn M79 chưa kịp nổ vẫn còn trong lòng ngực cho đến ngày cải táng.

Mẹ Huỳnh Thị Thế (1929 - 1963) sinh ra, lớn lên trong gia đình chỉ cốt với cách mạng ở xã Long Thọ anh hùng, sớm mồ côi cha mẹ vừa nuôi em vừa đánh giặc; lấy chồng cũng chọn người tham gia cách mạng; chồng và con gái mẹ đều hy sinh dũng cảm, con gái nhỏ của mẹ - Chị Lê Thị Oanh cũng tham gia công tác từ nhỏ, nhiều lần bị tù đày, tra tấn vẫn nguyên vẹn khí tiết. Một buổi sáng ngày mùng 5 tháng 10 âm lịch, bị giặc phục kích trên đường đi công tác, mẹ vừa kịp báo động để đồng đội thoát thân thì người đã ghim đầy vết đạn. Giặc còn say máu, lột quần áo người chết, bắt dân khiêng ra phơi xác giữa chợ, đến chiều tối mới cho đem chôn. Sự tàn nhẫn của giặc chỉ làm hình ảnh của mẹ thêm sáng ngời.

Mẹ Hồng Thị Khiêm (1914 - 1971), người mẹ có hai con cũng là LS ở xã Phước Thiện trong vòng vây ngặt nghèo đã không chịu hàng, chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Mẹ Lê Thị Lý (1922 - 1967), người bạn đời của chiến sĩ du kích Ba Ta nổi tiếng (Vũ Hồng Sinh) bị phục kích và hy sinh với nỗi đau mất con (liệt sĩ Vũ Đình Chi) còn nóng bỏng. Mẹ Nguyễn Thị Mai (1929 - 1969) anh dũng ngã xuống trong một trận chống càn ở quê hương, cách ngày hy sinh của con trai, con gái trước sau không đầy một năm.

Những trường hợp hy sinh anh dũng như thế mãi mãi là tấm gương trong truyền đời về truyền thống đẹp, hào hùng của phụ nữ Việt Nam.

ANH HÙNG NÓI TIẾP ANH HÙNG.

Phẩm chất của những bà mẹ Việt Nam anh hùng (BMVNAH) được kết tinh trong lòng một dân tộc anh hùng. Không cao vợi mà trái lại, nó mộc mạc như những bông sen bông Súng. Và, có lẽ không đâu xa, chính ở tâm lòng gắn bó với quê hương đã giúp cho ngọn đuốc anh hùng mãi ngời sáng và những người con Đồng Nai đã chuyển tay nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác, âm ỉ và dai dẳng, giống như chính cái sức sống mãnh liệt của loài hoa ấy.

Gia đình bà Huỳnh Thị Thế ở xã Long Thọ còn có một BMVNAH nữa, (Võ Thị Liên). Hiện nay không còn người trực hệ nối dõi do hy sinh. Gia đình ấy đã đóng góp cho cách mạng 5 LS, 2 thương binh và những người thân cùng thế hệ đều là đảng viên cộng sản, cán bộ cách mạng. Hiện nay không còn người trực hệ nối dõi do hy sinh vì chiến tranh. Trường hợp «cái nôi gia đình» như của mẹ Thế không phải hiếm.

Trên bàn thờ gia đình của ông Lý Văn Kiều và bà Phạm Thị Dẻo ở xã Long Đức (huyện Long Thành) có thờ hai BMVNAH : Phạm Thị Dinh (1900 - 1994) và Lý Thị Sáng (1904 - 1982). Đó là hai bà thông gia cùng có ba con là LS. Mấy mươi năm trước, anh Kiều và chị Dẻo kết hôn với nhau không ngờ có ngày cùng phụng thờ hai BMVNAH. Sự ngẫu nhiên này không lạ bởi vì «miền Nam ra ngõ gặp anh hùng».

Trường hợp của gia đình mẹ Nguyễn Thị Thế (1899 - 1983) ở xã Phú Hội (huyện Nhơn Trạch) cũng «lạ mà không lạ». Người ta gọi mẹ Thế là «bà mẹ anh hùng của bà mẹ Việt Nam anh hùng» do bởi con gái của mẹ là LS Trần Thị Thiệt cũng được truy tặng danh hiệu BMVNAH cùng đợt với mẹ. Gia đình có hai thế hệ BMVNAH ấy đã cống hiến 6 người ruột thịt cho đất nước, truyền thống tốt đẹp ấy đầy ấp trái tim của những người còn lại.

Mẹ Lê Thị Vân (sinh 1902) hiện ở Biên Hòa cũng là Bà mẹ anh hùng của anh hùng vì con mẹ anh Nguyễn Văn Huê đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng LLVTND Việt Nam. Những người con khác của mẹ cũng có những đóng góp rất lớn: Con rể mẹ, đồng chí Ba Lê từng là Bí thư Thị ủy Biên Hòa; đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) rùng danh với chiến công chỉ huy tập kích vào Nhà Xanh diệt hai cô vấn Mỹ đầu tiên ở chiến trường Việt Nam. Mẹ Vân lập rất nhiều chiến công cho nên cũng rất nhiều lần vào tù ra khám. Trước quân thù, mẹ bình tĩnh đến lạ lùng; luôn sẵn chiếc khăn rằn và ống ngoáy trâu «đi ở tù» !

NHIỀU LẦN KHÓC THÂM LẶNG LẼ

«Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ...», câu hát ấy lay động lòng người bởi những mất mát quá lớn của mẹ. Nhưng, như thế chưa phải đã nhiều. Trong số BMVNAH đã nêu trong tập sách, 121 mẹ có ba người thân hy sinh và mười bốn mẹ có hơn ba người thân (chồng, con) là liệt sĩ; trong đó, mẹ Phan Thị Phàn (huyện Nhơn Trạch) chịu mất mát nhiều nhất (chồng và năm con hy sinh). Mẹ Võ Thị Tràng (huyện Long Khánh) cũng vậy, tất cả năm người con ruột và hai con dâu đều trở thành liệt sĩ. Nỗi đau mất chồng, mất con dồn dập giằng xé trái tim người vợ, người mẹ, trong 5 năm (1968 - 1973), mẹ Bùi Thị Diễm (huyện Long Thành) liên tiếp mất bốn người con; Bốn con của mẹ Huỳnh Thị Khuyên (huyện Long Khánh) cũng lần lượt hy sinh trong vòng 6 năm (1968 - 1974) .

Nghịch ngả hơn, có những nghịch cảnh khiến các mẹ phải chứng kiến người thân của mình ngã xuống. Nỗi đau của người thân lúc lâm nguy khiến các mẹ còn khổ sở hơn nỗi đau của chính mình. «Dì Tư Thanh Vân» (mẹ Nguyễn Thị Thanh Vân, huyện Long Thành) tự tay mình chăm sóc thi hài đứa con gái thân yêu như chăm sóc cho một đồng đội; đến bây giờ vẫn chưa hết bàng hoàng, thảng thốt bởi nỗi đau mất nóm ruột duy nhất của mình. Chính má Huỳnh Thị Khương (TP. Biên Hòa) tận mắt trông thấy đứa con thân yêu của mình - Đoàn Văn Sửu bị thương, bị bắt, bị tra tấn dã man rồi bị dí súng vào đầu bóp cò. Không lâu sau, mẹ lại chứng kiến cảnh chồng mẹ - Ông Đoàn Văn Trạch bị lột trần, rạch ngực, gài trái nỏ tan xác ngoài sông.